

Dịch giả: **TRẦN DUY BÌNH**

NGUYỄN TRƯỞNG-BAN KHẢO THÍ

HỘI Y DƯỢC VIỆT NAM

Y - HỌC

醫



學

TAM

TU'

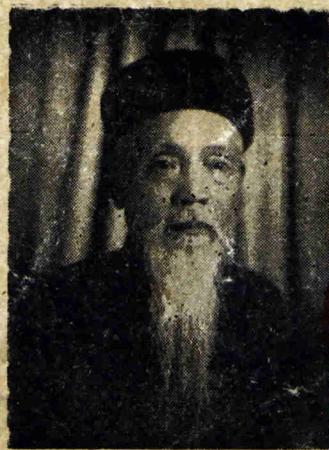
KINH

三

字

經

QUYỂN I



CHÂN DUNG DỊCH GIÀ









醫 學
Y - HỌC

三 字
TAM - TỰ

經
KINH

Quyển I

Đệ Tử Thanh - Y
PHẠM HỮU TRẠI phuong-blén

Người dịch : LÂO-Y
TRẦN - DUY - BÌNH

Nguyên Trưởng Ban Khảo Thí của hội
Y - DƯỢC VIỆT - NAM



DỊCH GIÀ GIỮ BẢN QUYỀN
Cấm Trích Dịch và In Trùng



TƯ A

Cụ TRẦN-DUY-BÌNH, tuy đã cao niên, nhưng không lúc nào là không nghĩ đến nâng cao y-nghiệp và phục vụ đồng bào. Năm 1952, một mình Cụ xông pha đất Bắc, tạo dựng nên Tòng-Chi Bắc-Việt của Hội Y-Dược Việt-Nam với những tay kiện tướng. Cụ làm cỗ văn Ủy ban Trung-ương của Hội với óc sáng suốt và tấm lòng trung trinh. Cụ lại làm Trưởng ban Khảo thí cho Hội Y-Dược Việt-Nam trong hai năm 1954 và 1955.

Ngoài ra, Cụ không ngót dạy học trò đẽ nói nghiệp Cụ. Có nhiều người đã thành công rực rỡ.

Hôm nay, Cụ trao cho tôi quyền sách Y-Học Tam-Tự-Kinh mà ông Thanh-Y PHẠM-HỮU-TRAI có công ghi chép khi nghe Cụ giảng dạy. Cụ bảo tôi đẽ tựa giùm. Tôi nghĩ rằng quyền này không cần tựa nữa, nhưng cũng nên nhắc lại với anh em một giai thoại của quyền sách ấy.

Ông TRẦN-TU-VIÊN, một vị nho y giữa đời nhà Thanh (ngang triều Gialong), vốn xuất thân trong đường khoa-nghiệp mà đem sở học của mình phụng sự đặc lực cho y-học. Ông có soạn ra bộ Y-Học Tam-Tự-Kinh, gồm hơn 700 câu thơ vàn 3 chữ, dễ học, dễ nhớ và bao quát rất nhiều vấn đề.

Nhưng muốn cho quyền ấy ai ai cũng mê đọc, và muốn tránh khỏi cái thói đèm siêm của những kẻ không phục tài của bạn đồng nghiệp đương thời. Ông bèn thắc danh là ông DIỆP-THIÊN-SĨ là thánh-y và đã mất mươi năm về trước. Sau khi đặc kỳ sở nguyện, ông TRẦN-TU-VIÊN bèn làm bài tựa cho quyền ấy và nói rõ lại chính là tay ông đã làm ra.

Giai thoại kẽ trên chứng tỏ rằng quyền Y-Học Tam-Tự-Kinh đã được nhiều người mê đọc và truyền tụng. Ngày hôm nay, tôi chắc nó sẽ được các bạn đồng nghiệp hoan nghênh, thì công phu của Cụ TRẦN-DUY-BÌNH ắt không phải là phi vậy.

Nay kính tựa

NGUYỄN - VĂN - BA

Chánh Hội Trưởng
HỘI Y-DƯỢC VIỆT-NAM



Tìm Sách



Lời nói đầu

Lên núi mới thấy núi là cao, ra biển mới thấy biển là rộng, học nghề thuốc cũng như núi cao biển rộng, không biết sao cho cùng.

Thánh nhân đời xưa trị thiên hạ mà vẫn lo đến tính mạng dân, bởi vậy vua Thần-nông ném các thứ cỏ cây phân ra từng tính để trị bệnh, nên mới có bộ Thần-nông bản-thảo ra đời vua Hoàng-đế với ông Kỳ bá, vua tôi vẫn đáp để rõ về y lý để trị bệnh, nên mới có bộ Hoàng-đế nội kinh ra đời, kể sau có bộ Nạn-kinh của ông Tần-Việt-Nhân hiệu là Biển - Thước ra đời thuyết minh về y đạo và sưu tầm bổ thêm vào chỗ Tiền - Thánh chưa nói tới. Đến đời Hán có cụ Thương-trọng-Cánh họp của các Tiền - Thánh lại để minh thêm về y đạo. Y đạo từ đó rõ rệt như ban ngày, nên mới có bộ Thương-hàn Tạp-bịnh-luận ra đời trị lao bệnh nhân, bệnh nàc thuốc ấy, hiệu nghiệm như dùi với trống, dùi đánh thì trống kêu, thế mới biết các bức Thánh đời xưa từ vua đến quan đều coi tánh mạng của dân làm trọng, là vì nước phải có dân, dân mạnh thì nước mới giàu.

Nước ta về đời nhà Trần, có cụ Tuệ-Tĩnh, đời nhà Lê có cụ Hải-Thượng-Lãn Ông nghiên cứu theo phương pháp cổ truyền đã từng khởi từ hồi sanh biết bao nhiêu người, kể như vậy về học thuật Y-khoa ở phương Đông ta có phải là hèn là dở đâu, chỉ vì ta



không lưu tâm về Y-đạo cho là mạt nghệ, chỉ chăm
chú về khoa cử để ra làm quan, tức là vinh thân phì gia
rồi. Đến hồi thực-dân Pháp sang đô hộ nước ta ngót 80
năm, ý muốn tiêu diệt thuốc ta để tiêu thụ thuốc của họ,
phản họ thấy nhiều người không biết đọc biết viết mà
cũng ra làm thầy nên họ khinh bỉ nghề thuốc của ta,
không có hệ thống, không có học thức, mà họ khinh bỉ cũng
phải, vì họ học thuốc có trường học, có chuyên khoa.

Nhân khi tôi dạy học trò học thuốc, tôi đem bộ Y-
học Tam-Tự-kinh của ông Trần-tu-Viên ra dạy, thấy
giản dị mà nghĩa lý rất cao sâu, có thể giúp cho người
làm thuốc đã lâu coi lại thêm tinh, mà người mới
học thuốc có thể biết phương châm mà trị bệnh khỏi
sai lầm, vậy nên tôi bắt học trò chép ra rồi tôi sửa lại
đem ra xuất bản làm hai quyển thứ nhứt và thứ nhì
để công hiến cho chư vị quân tử, mong rằng có chỗ
nào sai lầm xin chỉ giáo cho thì lấy làm may mắn lắm.

Viết tại Thủ đô SAIGON, ngày 10-6-1958
tức là ngày 23 tháng Tư năm Mậu-Tuất

LÃO-Y TRẦN - DUY - BÌNH

biệt hiệu THI MINH-TỬ

NGUYỄN TRƯỞNG BAN KHẢO THÍ CỦA
HỘI Y - DƯỢC VIỆT - NAM TOÀN QUỐC



PHỤ ĐỀ ÂM DƯƠNG

HIỀU ĐƯỢC MỘT CHỮ CÓ THÈ LÀM THUỐC ĐẶNG

Có người khách hỏi tôi rằng : « Đạo làm thuốc, xưa
thánh-nhơn rõ được huyền-bí của trời đất ; đoạt được
quyền tạo hóa, cứu người chết sống lại. Nếu không đọc hằng
ngàn quyền sách, tham thấu cái lẽ của mọi sự mọi vật thì
không thể được như vậy. « Ngày nay có người không thông
nho mà chữa được bệnh, nỗi được tiếng tăm là tại sao vậy ?

Tôi đáp rằng : » Giữa khoảng trời đất có lý và số, lý
có thể thắng số. Nên những thầy có học văn thời xa gần ai
cũng kính trọng, mới có thể trọn được đạo cứu người. Như
cụ TRỌNG-CẢNH là bậc thánh của nghiệp y mà thời ấy
có ai biết ? xem vào bài tựa Thương-hàn-Luận của ngài thời rõ.

Cũng như đức TUYÊN-THÁNH (Khổng-Tử) đeo
hai chữ Tố-Vương đến trọn đời, đó là ý trời muốn để ngài
truyền đạo tới muôn đời chứ không muốn cho ngài đặc dụng
trong một thời.

Sau cụ TRỌNG-CẢNH có những bậc hiền ra đời,
đều là không đặc chí ở đời, mới đóng cửa viết sách để làm
kể truyền đạo về sau. Trong sách của ông Dụ-Gia-Ngôn,
Vận-Bá vì nỗi cảm giận mà bày tỏ những nỗi bất bình, đó
là cái lý, số có thể nói được mà cũng không thể nói được.

Ngày nay nghiệp y chẳng kẽ người thông nho mới học
được, chỉ cần biết chữ thì làm thầy thuốc được, cũng không
kẽ người biết chữ nhiều hay ít, chỉ cần hiểu được một chữ là
có thể làm thầy thuốc được.



— Ông khách hỏi : chữ nào vậy ? có phải chữ định (丁) không ?

— Tôi đáp rằng : Nó cũng giống như vậy. Không nó đâu xa nó tức là chữ nhọn. (人)

Người ta bởi âm tinh, dương khí hợp thành ; tả là dương, bên tả một phẩy là ngôi dương ; hữu là âm, bên hữu một mác là ngôi âm. Người viết sách gấp nét phẩy tự nhiên nhẹ tay phẩy một cái, dương chủ về khí ; khí thời phải nhẹ trong. Gấp nét mát tự nhiên nặng tay nhấn một cái, âm chủ về tinh, tinh thì phải nặng đục.

Hai nét ấy không bao giờ lìa nhau, tức là đạo của âm dương căn cứ với nhau. Hai nét ấy mỗi nét đều có địa vị riêng tức là đạo âm dương đối đai với nhau, như nét phẩy, ở bên tả mà không thể đem qua bên hữu được ; còn nét mác ở bên hữu mà không thể đưa qua bên tả được, đó là đạo âm dương không thể lẫn lộn.

Bên tả nét phẩy trước nặng tay rồi sau nhẹ tay là muôn vật sanh ở thủy, tức là nghĩa nam nữ cẫu tinh muôn vật hóa sanh bởi âm và dương.

Bên hữu nét mác trước nhẹ tay, sau nặng tay là hình sanh ở khí, tức là nghĩa « Đại tai càn ngươn nái thõng thiên, chí tai khôn ngươn nái thuận thừa thiên » dương gồm cả âm vây.

Hai nét ấy hợp lại thành chữ nhọn (người) cái nghĩa hợp ấy trong sách thuốc gọi là bảo, trong Chu-Dịch gọi là giao, giao thời là thái vây.

Ta thử lấy hình ảnh con người mà nói : dưới mũi trên miệng có một đường rãnh, huyệt ấy gọi là nhọn.



trung, nghĩa là thân người ở giữa khoảng trời đất. Khí của trời thông ở mũi, khí của đất thông ở miệng.

Trời nuôi người ta lấy năm khì thì mũi hút lấy, đất nuôi người ta lấy năm vị thì miệng ăn lấy. Cái huyệt ở giữa khoảng mũi và miệng ấy, cho nên gọi là nhơn-trung.

Từ nhơn-trung trở lên mắt, mũi, tai, đều hai lỗ cả, tức là chẵn. Từ nhơn-trung trở xuống miệng và nhị tiện đều một lỗ cả, tức là lẻ. Trên ba gạch chẵn tức là âm, dưới ba gạch lẻ tức là dương, lấy nghĩa địa thiên hợp thành quẻ thái. Vậy hình ảnh bên ngoài cũng phải hợp âm dương mới thành người.

Phương chi cái lý người ta sở sanh, cái nghĩa làm người rất lớn thay ! Nếu gặp các thầy thuốc hỏi một chữ đó dẫu người có xe ngựa lộng-lẫy tự phụ là lương-y cũng không biết một chữ đó.

Ông khách nghe tôi nói rồi bèn cười xà bỉ đi.



CHƯƠNG I

醫 學 源 流

Y - HỌC NGUYÊN - LUU

醫之始本岐黃 (Y chi thủy, bản Kỳ-Huỳnh) Tô nghề thuốc gốc từ ông Kỳ, ông Huỳnh.

Huỳnh túc là vua Huỳnh-Đế, Kỳ túc là bầy tôi Kỳ-Bá; vua tôi vẫn đáp để biết rõ nguồn gốc của kinh lạc, tạng phủ, vận-khí và trị bệnh. Cho nên người ta gọi hai ông ấy là tổ của nghề thuốc. Tuy bộ bản kinh của Thần-Nông đã có trước đời Kỳ-Huỳnh, nhưng về lý lẽ mầu nhiệm, dùng thuốc thì có trước từ bộ Nội-Kinh của ông Kỳ, Huỳnh.

靈樞作素問詳 (Linh Khu tác, Tô-Văn-tường) Bộ Linh-Khu làm ra, bộ Tô-Văn tổ ra.

Linh-Khu có chín quyển, Tô-Văn cũng có chín quyển, gộp lại tức là Nội-Kinh. Hán thơ Nghệ-Văn-Chí chép rằng : « Đó là mười tám thiên của bộ Huỳnh-Đế Nội-Kinh. » Bộ Nội-Kinh này của nghề thuốc cũng như bộ Ngũ.Kinh của nghiệp nho.

難經出更洋洋 (Nạn-Kinh xuất, cánh dương dương) Bộ Nạn-Kinh ra đời lại càng lộng lẫy lên.

Dương dương là thịnh đại; bộ Nạn-Kinh có tám mươi mốt chương làm cho rõ thêm ra ý nghĩa của bộ Nội-Kinh chưa nói tới, cũng có chỗ không hợp với Nội-Kinh.



Bởi thời ấy cách đời xưa chưa xa mấy mà có khảo cứu khác nhau chăng?. Bộ Nạn-Kinh của ông Tân-Việt-Nhân hiệu là Biền-Thưóc người thời chiến quốc làm ra.

越漢季有南陽 (Việt Hán quý, hưu Nam-Dương) Cuối đời nhà Hán có người ở đất Nam-Dương.

Ông Trương-Cơ tự Trọng-Cảnh người ở Nam-Dương, làm quan Thái-Thú ở Trường-Sa viết ra bộ Thương-Hàn-Tập-Bình-Luận, Kim-Quí Ngọc-Hạp kinh.

六經辨聖道彰 (Lục kinh biện, thánh đạo chương) Sáu kinh biện rõ ra, đạo thánh càng tỏ ra.

Nội-Kinh nói rõ phép trị liệu bằng châm cứu. Cho đến đời ông Y-Doãn mới lập ra thang-dịch (thuốc thang). Ông Biền-Thưóc, ông Thương-Công nhơn theo, cụ Trọng-Sư tức Trọng-Cảnh mới viết ra bộ Tập-bình Thương-Hàn chuyên dùng về phương-dược mà trị, nhưng các phương ấy đều do kinh-phương của Thần-Nông, Huỳnh-Đế truyền lại, mới hợp thành rộng lớn hơn.

傷寒著金匱藏 (Thương-Hàn chưóc, Kim-Quí tàng) Viết ra bộ Thương-Hàn, bộ Kim-Quí bí tàng.

Ông Vương-Khang-Đường nói những nghĩa lý luận trong Thương-Hàn như con thần long khi ăn khi hiện, đầu đuôi giao lại các vây vây rõ ràng lầm (ý nói rất hay, mà lại rõ ràng) Bộ Kim-Quí Ngọc-Hạp là quý báu bí tàng ; còn các phương thuốc không phải của cụ Nam-Dương làm ra, là những phương của thánh-nhân đời xưa để lại, cho nên gọi là Kinh-Phương. Các vị thuốc đều do ở Thần-Nông bản-kinh ; không có phương ấy thì không trị được bệnh ấy, không có thuốc ấy thì không thành phương ấy, đầu phương thời hiệu nghiệm như tiếng trống vang.

垂方法立津梁 (Thùy phương-pháp, lập tân lương) Đề phương pháp lại, lập thành bờ bến,



Đức Trọng-Cảnh là bực thánh trong nghề thuốc ; nghiệp nho không thể bỏ sách của chí thánh để cầu đạo, nghề thuốc không thể ngoài sách của Trọng-Thánh để trị bệnh.

李唐後有千金 (Lý Đường hậu hữu Thiên-Kim)
Sau nhà Lý Đường có bộ Thiên-Kim.

Ông Tôn-Tư-Mạo (Diêu) người ở Hoa-Nguyên, ẩn dật ở núi Thái-Bạch viết ra bộ Thiên-Kim phuong, Thiên-Kim Dực-Phương, tất cả có ba chục quyển. Đến đời Tống-Nhơn-Tôn khiến ông Cao-Bảo-Hành và ông Lâm-Úc hiệu chính lại, chia ra lâm chín mươi ba quyển, so với bộ Kim-Quí có nhiều chỗ phù-phiếm lộn-xộn, nhưng dụng ý kỳ, dùng thuốc khéo. Thế cũng tự thành một Y-gia vậy.

外臺繼重醫林 (Ngoại-Dài kẽ, trọng Y-Lâm)
Ngoại-Dài kẽ tiếp, trọng về Y-Lâm.

Ông Đường-Vương-Đảo viết ra bộ Ngoại-Dài-Lâm bốn mươi quyển chia ra 1104 môn, tôn phương của Sào-Thị là thứ sách bí truyền của nghề thuốc.

後作者漸漫淫 (Hậu tác giả, tiệm tăm dâm)
Những người viết sách về sau này, lần lần sai lạc.

Những sách thuốc về sau này, không thể coi được.

紅紫色鄭衛音 (Hồng tử sắc, Trịnh Vệ âm)
Pha lện, sắc hồng, sắc tía, cũng như dâm thanh của nước Trịnh nước Vệ.

迨東垣重脾胃 (Dài Đông-Viên, trọng tỳ, vị)
Tới ông Đông-Viên trọng về tỳ, vị.

Ông Lý-Quả tự là Minh-Chí hiệu Đông-Viên lão nhơn, sanh đời nhà Nguyên, thọ được 72 tuổi làm ra Luận-Tỳ-Vị, Luận-Biễn-Hoặc ; bộ Lan-Thất-Bí-Tàng, mới có mươi bộ sách của Đông-Viên để lại đời sau.



溫燥行升清氣 (Ôn táo hành, thăng thanh khí)
Làm về mặt ôn táo, thăng khí trong lên.

Như bài Bồ-Trung-Ích-Khí và phép thăng dương tán hỏa ; ưa dùng những vị Thương-Truật, bạch-truật, khương-hoạt, độc-hoạt, mộc-hương, trần-bì, cát-cǎn v.v.

雖未醇亦足貴 (Tuy vị thuần, diệc túc quý)
Đầu chưa được thuần túy lắm, nhưng cũng đủ quý.

Người ta bảo rằng : « ông Đông-Viên dùng thuốc cũng như Hắn-Tín dung binh », quân nhiều chừng nào càng hay chừng nấy, nhưng có chỗ lẩn lộn mình phải nên hiểu biết. Duy lấy tỳ vị làm trọng.

若河間專主火 (Nhược Hà-Giản, chuyên chủ hỏa)
Còn ông Hà-Giản, chuyên chủ hỏa.

Đời nhà Kim, ông Lưu-Hoàng-Tổ, tự là Thủ-Trinh, người ở đất Hà-Giản, những thuyết chủ về hỏa, bắt đầu từ ông Hà-Giản.

遵之經斷自我 (Tuân chi kinh, đoán tự ngã)
Theoở kinh phán đoán tự mình.

Nguyên bình có 29 điều gốc ở Nội Kinh : chí châm, chí yếu đại luận, phần nhiều lấy hỏa làm lập luận, mà không tham thấu kinh chỉ, như hỏa bình-khí gọi là thăng-minh (vừa phải), như hỏa thái-quá gọi là hách-hi (chói-lợi) nếu hỏa bất-cáp gọi là phục-minh (yếu sáng) ?. Biện về các chứng hư thực cũng như băng, thán trái nhau vậy.

一二方奇而妥 (Nhứt nhị phương, kỳ nhì thỏa)
Có một hai phương, kỳ mà ổn thỏa.

Như những phương Lục-Nhứt-Tán, Phòng-Phong Thông-Thánh, các phương ấy đều kỳ (kỳ diệu) mà không lia bỏ cái chánh vây.



丹溪出罕與傳 (Đan-Khê xuất, hán giữ trù)
Tôi ông Đan-Khê ra, ít có người bì kịp.

Đời nhà Nguyên, ông Châu-Chẩn-Hanh, tự là
Ngoạn-Tu, hiệu là Đan-Khê, người ở Kim-Hoa, ông này
lập phương đối với các nhà cao hơn một bậc.

陰宜補陽勿浮 (Âm nghỉ bổ, dương vật phù)
Chân âm nên bổ, chân dương chó nên phù viet.

Tâm pháp của ông Đan-Khê bổ âm làm chủ, ông
bảo rằng : » dương thường có thừa, âm thường không
đủ. » Chư gia cho rằng : ông nói không đúng, họ nói
rằng : » người ta sống là nhờ khí của trời đất (nhưn đặc
thiên địa chi khí) dễ sanh ra cái khí, có sanh, tức là dương
khí, tinh huyết đều hóa sinh vậy. »

雜病法四字求 (Tập bệnh pháp, tứ tự cầu)
Phép trị tập bệnh, cầu ở bốn chữ.

QT
{ Bốn chữ ấy là khí, huyết, đàm, uất, hết thảy tập bệnh
chỉ lấy bốn chữ ấy mà trị. Như về khí, dùng bài Quân-
Tử thang ; huyết, dùng bài Tú-Vật thang ; đàm, dùng
bài Nhị-Trần ; uất, dùng bài Việt-Cúc, xoay sở thường
dùng các phương ấy rất hay.

若子和主攻破 (Nhược Tử-Hòa, chủ công
phá) Còn ông Tử-Hòa, chủ công phá.

Ông Trương-Tử-Hòa, trong sách của ông phần nhiều
chủ về các vị như : Đại-Hoàng, Phác-Tiêu, Khiên-Ngưu,
Ngươn-Hoa, Đại-Kích, ý ông cho phải đuổi tà đi, thì
chính mới an, chó sơ công mà nuôi bệnh.

中病良勿太過 (Trúng bệnh lương, vật thái-quá)
Trúng bệnh thời thỏi, chó nên thái-quá.

Phương pháp của ông Tử-Hòa, những thực chứng
không bỏ được, nhưng trúng bệnh thời thỏi liền, không nên



uống nứa, nếu thái quá thời ngươn-khí sẽ theo tà-khí mà đi, cứu không kịp nứa.

四大家聲名噪 (Tứ đại gia, thịnh danh tảo)
Bốn đại gia, tiếng lừng lẫy.

Ông Lưu-hà-Giản, Trương-Tử-Hòa, Lý-Đông-Viên, Châu-Đan-Khê, thời kim nguyên gọi là tứ đại gia rất giỏi về nghiệp y.

必續書錯名號 (Tắt độc thơ, thác danh hiệu)
Sách Tắt-Độc lộn danh hiệu.

Lý sĩ-Tài Y-Tôn, Tắt-Độc, tứ đại gia luận lấy họ Trương cho là Trương-Trọng-Cảnh thế là làm lần, cụ Trọng-Cảnh là bậc thánh của nghiệp Y. Các ông đó so sánh làm sao được.

明後須酌量 (Minh dĩ-hậu, tu chước lượng)
Từ nhà Minh trở về sau, phải nên lựa chọn.

Từ nhà Minh về sau nhiều sách thuốc ra đời, có coi cho rộng kiến văn, hay thời theo, dở thời bỏ, chớ không phải sách nào cũng hay hết.

詳而備王肯堂 (Tường-nhi-bị, Vương-khản-Đường) Nói rõ-ràng và đủ lẽ, ông Vương-Khảng-Đường.

Ông Vương-Khảng Đường tự là Thái viết ra bộ Chứng-Trị Chuẩn-Thắng, cũng có thể đầy đủ trong rừng thuốc.

薛氏按說騎牆 (Tiết thị án, thuyết kỵ tường) Y-Án của họ Tiết nói nước đôi (leo tường).

Đời nhà Minh ông Tiết-Kỷ hiệu là Lập-Trai, người Ngô-Huyện, làm ra bộ Tiết-Thị-Y-Án có mười-sáu (16) thủ, đại dề như Tú-Quân-Tử, Lục-Quân-Tử, Tiêu-Diêu-Tán, Qui-Tỳ-Thang, Lục-Bát-Vi, đê chủ trị, mà lời nói nước đôi.

士材說守其常 (Sĩ Tài thuyết, thủ kỷ thường) thuyết của ông Sĩ-Tài, giữ mực thường.

Lý-Trung-Tử hiệu là Sĩ-Tài người quốc-trieu, viết ra ba quyền Y-Tôn Tắt-Độc Sĩ-Tài. Tuy lời nói sơ sài



đều giữ mục thường, nhưng người mới học không nên bỏ qua.

景岳出著新方 (Cảnh-Nhạc xuất, trước Tân-Phương) Ông Cảnh-Nhạc ra, viết bộ Tân-Phương.

Đời nhà Minh Ông Trương-giới-Tân tự là Hội-Khanh hiệu là Cảnh-Nhạc người ở Sơn-âm viết ra loại kinh-Chất Nghi-Lục-Toàn Thư, dùng các phương không ngoài Tân-Phương Bát-Trân, nhưng thực ra không đủ gọi là danh phương, ngày xưa thánh nhơn biết rõ mấy tạo-hóa, hiểu cội gốc âm dương. Lập ra một phương không thể tưởng-tượng được, như lấy Thục-Địa bồ âm, Nhơn-Sâm bồ dương, Khương, Phụ đuỗi lạnh, Cầm Liên trừ nhiệt. Nếu có mấy vị mà có thể gọi là danh phương, thì cần gì phải lập phương nữa.

石頑續溫補鄉 (Thạch-Ngoan tục, ôn bồ hương) ông Thạch-Ngoan tiếp, chuyên về mặt ôn bồ.

Ông Trương — Lộ tự Lộ-Ngọc hiệu Thạch-Ngoan. Người quốc-triều, viết ra bộ Y-Thông Lập-Luận phần nhiều lấy ôn, bồ làm chủ, theo phép của Cảnh-Nhạc.

獻可論合二張 (Hiển - Khả-Luận, hợp nhị Trương) Luận của ông Hiển-Khả, hợp với hai họ Trương.

Ông Triệu-hiện-Khả hiệu là Dưỡng-Quí viết ra bộ Y-Quán Đại-Chỉ trọng về Mạng-Môn. Cùng với phương-pháp của ông Trương-thạch-Ngoan, ông Trương-Cảnh-Nhạc giống nhau.

診脉法瀕湖昂 (Chẩn mạch pháp, Tân-Hồ ngang) Phép chẩn mạch, ông Tân-Hồ khá hơn.

Lý-Thời-Trân tự là Đông-Bích hiệu là Tân-Hồ viết bộ Bản-Thảo-Cuong-Mục, có năm mươi hai quyển, tóm thâu các thuyết làm trái lện với bản-kinh của Thần-Nông,



cuối quyển về mạch học cũng khá khé-nhiều thầy thuốc bây giờ lấy làm tôn trọng.

數子者各一長 (Số tử giả, các nhứt trưởng)
Mấy ông đó mỗi người có một cái giỏi.

~~Các ông ấy~~ mỗi người có một cái giỏi. Tuy vậy mình nên lựa chọn giỏi mà theo.

揆諸古亦荒唐 (Quí chư cõ diệc hoàng đường)
so với các thánh xưa cũng là hoang đường.

Lý thuốc không đúng với Nội-Kinh. Phép thuốc chưa rõ đạo Trọng-Cảnh, nếu may có đều trúng cũng không đổi qui củ ngày xưa được.

長沙室尚傍徨 (Trường-Sa thất, thượng bàng-hoàng) Học đạo của Trường Sa còn mơ màng, chưa hiểu thấu chân lý.

Mấy người ấy tuy gọi là tư-thục Trường-Sa (Trọng-Cảnh) nhưng ít có người hiểu thấu chân-lý của Trường-Sa.

惟韻伯能憲章 (Duy Vận-Bá năng hiến chương)
Duy có ông Vận-Bá, theo được đúng phép.

Ông Từ-Khê-Kha-Cầm tự là Vận Bá người quốc triều, Viết Thường Hán-Luận chú, thật là có công lớn với cụ Trọng-Cảnh mà lại rõ ra những bí chỉ ở trong bộ nội-Kinh.

徐尤著本喻昌 (Từ, Vưu trước, bản Dụ-Xương) ông Từ, ông Vưu, viết sách đều gốc ở ông Dụ-Xương.

Ông Từ-Bân hiệu là Trung-Khả, ông Vưu-Di hiệu là Tại-Kinh hai ông ấy chú bộ Kim-Quí, theo như ông Dụ-gia-Ngôn đã khảo cứu, ông gia-Ngôn tên là Xương người ở quận Nam-Xương tỉnh Giang-Tây, chuyên về nghề thuốc,



viết ra thiên Thượng-Luận, chủ trương thái-quá, nhưng pháp-luật trong nghề thuốc cũng có thể rõ được bí-chỉ trong bộ Kim-Quí.

大作者推錢塘 (Đại tác-giả, xuy tiền đường)
Nhà đại tác-giả, có thời Tiền Đường là hơn cả.

Ông Trương Chí-Bằng hiệu là Ân-Am ; ông Cao-thể-Thức hiệu là Sĩ-Tôn cùng người ở Tiền Đường, tỉnh Chiết-Giang, đời Khang-Hy hai ông cùng học về nghề thuốc, cùng với đời không hợp, đóng cửa viết sách để truyền đạo về sau. Chú những bộ Nội Kinh, Bản-Thảo Kinh, Thượng-Hàn. Luận và bộ Kim-Quí, phát minh ra được những điều mà cõ-nhân chưa phát minh ra, thật là một bộ sách đứng bực nhút từ đời nhà Hán trở về sau, những người làm thuốc đời nay sợ khó mà không dám coi tới.

取法上得慈航 (Thủ phép thượng, dắc tử hăng)
lấy phép ở trên, sẽ được ở giữa.

Chớ đừng lấy những sách như Y-Phương-Tập Giải, Bản-Thảo Bí-Yếu, Y-Tôn Tất-Độc, Vạn-Bịnh Hồi-Xuân, Bản-Thảo Cương-Mục, Đông Y Bửu-Giám, Phùng-Thị Cầm-Nang, Cảnh-Nhạc Toàn-Thư, Tiết-Thị Y-Án làm mau chóng vắn tắt, những người đời nay không chịu xuy xét. Chỉ theo mấy chục phương hủ-lậu của những sách ấy để cầu may thì không đáng kẽ làm chi.



SÁNG LẬP 1924

QUANG - VIỆN LUNA

TIỆM CHÁNH : 81 đại lộ Nguyễn Huệ — D.T.
21.289 SAIGON

CHI - NHÁNH : 129 Lê thánh Tôn — SAIGON

- PHÒNG THỬ MẮT ĐẦY ĐỦ DỤNG-CỤ
TỐI-TÂN
- XƯỞNG MÁY CHẾ TẠO CÁC LOẠI
KÍNH THUỐC DUY NHẤT VIỆT-NAM

Một nhà kính rất tín-nhiệm do :

Giám đốc TRẦN-VĂN PHI
Opticien diplômé d'Etat et d'ESO
F.I. Ingénieur de l'Institut d'Optique de Paris

Chúng tôi là đại-diện và giám-khảo cho trường :
INSTITUT CENTRAL D'OPTIQUE DE PARIS
dạy Quang-học Nhẫn-kính theo lối gửi thư.
Biên thư hỏi điều lệ



CHƯƠNG II

中 風

TRUNG - PHONG

人百病首中風 (Nhơn bách bệnh, thủ trúng-phong) Trăm bệnh người ta, trước bối trúng-phong.

Trăm bệnh của người ta, ban đầu do trúng-phong. Nội-Kinh nói rằng : « Phong vi bách bệnh chi trưởng giả. » Tiên Y nói rằng : « Trúng ở tạng phần nhiều hay trệ cửu-khiểu, sanh ra chứng mất tiếng, tai utar, mắt mờ, nghẹt mũi tiện khó. Trúng phủ thời tay chơn bung-rung. Trúng kinh thời miệng méo mắt xích (lệch). Trúng huyết mạch thời bán thân bất toại ». BT

驟然得八方通 (Sudden nhiên đắc, bát phương thông) Bỗng chốc mà bị, nên thông tám hướng.

Trúng-phong là những chứng thịnh-linh té ngã bất tỉnh nhân sự, hoặc bị dàm trào lên, tay chơn co rút. Bát phương là Đông, Tây, Nam, Bắc, Đông-Bắc, Tây-Bắc, Đông-Nam, Tây-Nam.

閉與脫大不同 (Bế giữ thoát, đại bất đồng) Bế với thoát không giống nhau.

Bế với thoát, phần nhiều không giống nhau. Phong là biến chuyển mau lẹ ; biến là nhân trong tạng phủ con người hàn nhiệt mà dời đổi, như tạng phủ con người gốc uất nhiệt, thì phong nhân vào hỏa lực, hỏa mượn oai phong mà



~~làm ra nhiệt phong.~~ Nếu người nào tạng phủ vốn thuộc hủ hàn thời phong thủy gặp nhau, thành hàn băng lạnh thấu xương mà làm ra ~~hàn-phong~~. Nhiệt-phong phần nhiều thấy bể chứng, trước hết phải làm cho thông; còn ~~hàn-phong~~ phần nhiều thấy thoát chứng nên ôn bồ cho gấp.

開邪閉續命雄 (Khai tà bể, tục mạng hùng) Khai tà bể, thang Tục-Mạng là mạnh.

Tiêu-tục-Mạng thang là đội quân hùng mạnh nhứt (hùng sứ) chưa về trúng phong. Y nhu lục kinh già giảm mà trị; Tiêu-tục-Mạng thang chuyên về khu tà, bể thì nên khai ở biếu, tức là thang Tiêu-Tục-Mạng, hoặc khai ở trong thì dùng thang Tam-Hoa, hoặc khai đàm ủng trê dùng thang hóa đàm hay hi-diêm-tán.

四氣脫參附功 (Hồi khí thoát, Sâm, phụ công) Hồi được khí thoát, có thang Sâm, Phụ công hiệu.

Chứng thoát nên dùng Sâm-Pụ thang giữ chắc vê-khí Qui-Phụ thang giữ chắc vinh-khí; Truật-Phụ thang giữ chắc tỳ khí: Kỳ Phụ thang giữ chắc vê-khí. Trước hết phải hồi khí rồi sau mới trị phong như Tam-Sanh Âm gia Nhơn-Sâm một lượng, đó là phép trị chánh cả gốc lắn ngọn, hú tà thịnh cũng dùng thang ấy mà già giảm.

顧其名思其義 (Cố kỳ danh, tư kỳ nghĩa) Thấy được danh, tư kỳ nghĩa) Thấy được danh phải nhớ nghĩa.

Tên gọi là phong túc gió tám hướng, tên gọi là trúng túc gió từ ngoài vào. Người đời sau xuyên-tac đều không nên theo.

若舍風非其治 (Nhược xả phong, phi kỳ trị) Nếu bỏ phong, không đúng phép trị.

Nói là trúng-phong thì không ngoài cách trị trúng-phong mà trị cách khác được.



火氣瘦三子備 (Hỏa, khí, đàm, tam tử bì)
Hỏa, khí, đàm có ba ông đầy đủ.

Ông Lưu-Hà-Giản cho rằng : » Ngũ-Chí quá cực động hỏa mà trúng, vì nóng nhiều nên chủ về hỏa, đại pháp như dùng Phòng-Phong Thông-Thánh Tán để dẫn hỏa quí nguyên (dẫn lửa trở lại lò) Và thang Địa-Hoàng Âm-Tử. « Ông Lý-Đông-Viên cho rằng : » Ngươn-khí không đủ nên tà lẩn vào trong người làm té ra như cơn gió tạt vây. Nên chủ trị khí hư đại pháp dùng thang Bồ-Trung Ích-Khí gia giảm. »

Ông Chu-Đan-Khè cho rằng : đông nam khí ôn có nhiều thấp khí mà có bình phong, chớ không phải là trúng-phong, bởi vì thấp sanh ra đàm, đàm sanh ra nhiệt, nhiệt sanh ra phong. Như thế chủ trị về thấp, đại pháp dùng bài Nhị-Trần gia Thương-Truật, Bạch-Truật, Trúc-Lịch, nước gừng những thứ đó.

不爲中名爲類 (Bất vi trúng, danh vi loại)
Không cho là trúng, cho là loại.

Trúng là từ ngoài nhập vào trong, mà ba ông ấy cho rằng gió không từ ngoài nhập vào trong được. Cho nên không gọi là trúng, thời Y cho là loại trúng-phong.

合而言小家伎 (Hợp nhị ngôn, tiều gia kỷ). Nói tóm lại là thuật của tiều gia.

Ông Lưu-Thiên-Dân nói rằng : « Cõ nhân luận Trúng-Phong là nói về chúng » mà ba ông luận là bởi khí, bởi thấp, bởi hỏa, hợp với gió mà làm ra. Thì còn phân là trúng hay loại trúng làm chi.

瘡渴斜昏介地 (Âm oa tà, hôn phó địa)
Âm là không nói được, oa tà là miệng méo mắt lệch, hôn phó địa là bất tỉnh nhơn sự mà té ngã xuống đất.



Nếu gặp chứng ấy mà miệng mở, mắt nhắm, hoặc
đầm lên, tay chơn co rút, dài son, mồ hôi như dầu là
không trị được.

急救先柔潤次 (Cấp cứu tiên, nhu nhuận thứ)
Trước phải cấp cứu, sau hãy nhu nhuận.

Nhu nhuận là im gió, phép trị trúng-phong hay nhút.
Ông Dụ-gia-Ngôn dùng gia vị Lục-Quân-Tử thang, Tư-
Thọ Giả-Ngữ thang rất hiệu nghiệm.

填竅方宗金匱 (Điền khiếu phuơng, tôn
Kim-Qui) Phuơng điền khiếu, phải tôn Kim-Qui.

Nội-Kinh nói rằng : « Tà phạm vào các lỗ trống,
trong bộ Kim-Qui có Hậu-Thị-Hắc tán. Phong-Dần thang
là trị về mặt khu phong và lắp lại lỗ trống, lỗ trống đã lắp
thì tà bên trong không ở được, bên ngoài gió mới không
lọt vào được.

Ông Dụ-Gia-Ngôn nói rằng : « Cụ Trọng-Cảnh cho
thuốc để lắp lỗ trống là để yên gió.

Người dời sau không hiểu nghĩa đó cứ muốn mở lỗ
để đuổi phong ra nhưng lỗ càng trống thì phong càng mạnh,
thang Tám-Hóa, thang Dù-Phong thang Đại-Tần-Giao
cho là yếu phuơng, nói là của ông Thông-Chân-Tứ soạn ra
mà không biết tên họ là gì ! Nhưng cũng là bọn vô-danh
hạ-sĩ chỉ làm mê hoặc kiến văn người sau, thật chẳng khác
nào người mù lại dẫn người đui vậy.



BÀI THUỐC LOẠI TRÚNG-PHONG

Q1 Tiêu tucus màng thang. (thiên-kim phuong) Trị tất cả
chứng trúng-phong (thông trị lục-kinh trúng-phong)

麻 黃	Ma-Hoàng (bồ dốt)	I	chỉ	一	錢
黃 荸	Hoàng-cầm	I	chỉ	一	錢
白 苞	Bạch-Thược	I	chỉ	一	錢
杏 仁	Hạnh-Nhon	I	chỉ	一	錢
桂 枝	Quế-Chi	I	chỉ	一	錢
附 子	Phụ-Tử	{	5 phân	分	壳
人 参	Nhon-Sâm		I	chỉ	錢
川 芎	Xuyên-Khung		I	chỉ	錢
炙 草	Chích-Thảo		I	chỉ	錢
防 己	Phòng-Ký		I	chỉ	錢
防 風	Phòng-Phong	I	chỉ	一	錢
生 羌	Gừng	3	lát	三	片

Sắc 2 chén rưỡi nước còn 8 phân uống.

— Ma-Hoàng, hạnh-nhon túc ma-hoàng thang : trị hàn ; Quế-Chi, thược-dược túc Quế-Chi thang : trị phong ; Sâm Thảo bồ khí ; Khung, Thược duống huyết ; phòng-phong trị phong dâm ; phòng-ký trị thấp dâm ; Phụ-tử trị hàn dâm ; Hoàng-Cầm trị nhiệt dâm. Cho nên thành ra phương làm thông gió (phong thông) Ông Lưu-Tôn-Hậu nói rằng : « Phương này không chia kinh-lạc, không kê hàn, nhiệt, hư, thiệt. Duy cần có nóng nhiều là trị rất hay. »



Tam-hoa thang. Trị nhiệt phong trúng tạng, đại tiện không thông.

大 黃	Đại-Hoàng	2 chỉ	二 錢
只 壳	Chỉ-Sắc	2 chỉ	二 錢
羌 活	Khương-Huột	2 chỉ	二 錢

Sắc 2 chén còn 8 phân uống.

— Tam Hóa là dùng Thừa-Khí Thang thông đại, tiêu tiện, gia Khương-Huột trị phong.

Cô kim lục nghiệm tục mạng thang : Trị bệnh trúng phong mê man không biết đau nhức, mientes không nói được, hoặc co rút không giờ mình được.

麻 黃	Ma-hoàng	3 chỉ	
桂 枝	Quế-chi	3 chỉ	
當 歸	Đương-qui	3 chỉ	
人 參	Nhân sâm	3 chỉ	
石 膏	Thạch-cao	3 chỉ	
干 羌	Càn-khương	3 chỉ	
甘 草	Cam-thảo	3 chỉ	
川 芍	Xuyên-khung	1 chỉ ruồi	
杏 仁	Hạnh-nhân	5 chỉ	

Sắc 3 chén còn một chén uống nóng, trùm mền cho ra mồ hôi, mồ hôi ra được thì khỏi, nếu không ra mồ hôi lại uống nữa, cảm không được ngồi trước gió.

Hí diên tán : Trị bệnh trúng-phong miệng câm và trị chứng đòn-nga, song-nga.

巴 豆	Bả-Đậu	6 hột	
明 瑞	Minh-Phàn	1 lượng	
牙 卯	Tạo-giác	3 chỉ	



Trước lấy phèn nấu lên ngào với thuốc, đợi phèn khô tán nhuyễn mỗi lần dùng 3 phân thổi trong cuống họng, đàm nhiều thì uống năm phân với đắng-tâm, đàm ở cuống họng thì thổi ra, đàm ở cách hạ liền.

Sâm - phụ thang : Trị ngươn-khí thoát dùng thang này cấp hồi dương-khí lại, trong mươi người có thể cứu được một, hai.

人 参	Nhơn-Sâm	I lượng
附 子	Phụ-Tử	5 chỉ

sắc hai chén còn tám phân uống, thang này trị thận khí thoát.

Lấy Bạch-Truật thay Nhơn-Sâm gọi là Truật-Phụ Thang trị tỳ-khí thoát. Hoặc thay Hoàng-Kỳ gọi là Kỳ-Phụ-Thang, trị vệ khí thoát, Hay thay Dương-Qui gọi Qui-Phụ Thang trị vịnh khí thoát.

Tâm-sanh âm : Trị hàn-phong trúng vào tạng tay chon lạnh móp, đàm lên.

生 烏 頭	Sanh-ô Đầu	2 chỉ
生 附 子	Sanh Phụ-Tử	3 chỉ
生 羌	Gừng	5 lát
生 南 星	Sanh Nam-Tinh	3 chỉ
木 香	Mộc-Hương	5 phân

Sắc 2 chén cùn 7 phân uống.

— Ô-Đầu táo nhiệt, hành kim trục hàn; Nam-Tinh tân liệt (cay lắm) trừ đàm tán phong; Mộc-Hương dễ trấn nghịch khí.

Phòng-phong thông thánh tán. Trị nhiệt phong, trúng ngoài kinh-lạc thì chân tay co rút, trúng tạng-phủ thời nhi tiện bế, phải dùng thang này mà giải.



防 風	Phòng-Phong	1 chỉ
連 魁	Liên-Kiều	1 chỉ
薄 荷	Bạc-Hà	1 chỉ
當 歸	Đương-Qui	1 chỉ
白 术	Bạch-Truật	1 chỉ
大 黃	Đại-Hoàng	1 chỉ
黃 琴	Huỳnh-Cầm	1 chỉ
吉 更	Kiết-Cánh	1 chỉ
滑 石	Huợt-Thạch	2 chỉ
荆 芥	Kinh-Giới	1 chỉ
麻 黃	Ma-Hoàng	1 chỉ
川 芎	Xuyên-Khung	1 chỉ
白 苓	Bạch-Thược	1 chỉ
山 桉	Sơn-Chi	1 chỉ
芒 硝	Mang-Tiêu	1 chỉ
石 膏	Thạch-Cao	1 chỉ
甘 草	Cam-Thảo	2 chỉ
生 羌	Gừng	3 lát

Sắc 3 chén còn 8 phân uống. Nếu tự lợi bỏ Mang-Tiêu, nếu có mồ-hôi bỏ Ma-Hoàng gia Quế-Chi hoặc ho có dài nhót gia Bán-Hà Ngũ-Vị.

— Kinh, Phòng, Ma-Hoàng, Bạc-Hà : làm ra mồ-hôi mà tán nhiệt, đuổi phong ; Chi-Tử, Huợt-Thạch, Tiêu, Hoàng : thông tiêu tiện mà hạ hỏa, hành thủy ; Cầm, Kiết, Thạch-Cao : thanh phế, tả vị ; Xuyên-Khung, Qui, Thược : bồ huyết, bồ gan ; Liên-Kiều thông hơi trực huyết ú (tan máu) Cam, Truật : bồ bên trong làm ráo thấp ẩm, cho khi ra mồ-hôi không thương biều, khi hạ không thương lý.



~~Q1~~ Địa-Hoàng Âm-Tù : Trị các chứng trúng-phong
thận hư, lừa không trở lại lò, lưỡi cứng, không nói được,
chân liệt không đi được.

熟 地	Thục-Địa	1 chỉ
遠 志	Viễn-Chí	1 chỉ
石 舂	Thạch-Học	1 chỉ
五 味	Ngũ-Vị	1 chỉ
肉 桂	Nhục-Quế	1 chỉ
附 子	Phụ-Tử	1 chỉ
茱 肉	Sơn-Thù-Nhục	1 chỉ
巴 戟 天	Bả-Kích-Thiên	1 chỉ
昌 蒲	Xương-Bồ	1 chỉ
肉 從 容	Nhục-Thung-Dung	1 chỉ
麥 冬	Mạch-Đông	1 chỉ
茯 苓	Phục-Linh	1 chỉ
gia thêm 薄 荷	Bạc-Hà	7 lá

Sắc 2 chén còn 8 phân uống.

— Thục-Địa nhuận cội gốc chân âm ; Quế, Phụ, Thung-Dung, Bả-Kích : đem nguyên hỏa trở lại ; Sơn-Thù, Thạch-Học bình vị, ôn can ; Viễn-Chí, Phục-Linh, Xương-Bồ : bổ tâm, thông thận ; Mạch-Đông : thêm nước nhuận phổi.

Khi thủy với hỏa đã thông nhau, thì gió tự khỏi. Ông Lưu-Hà-Giản nói rằng : « Trúng-phong không phải trúng gió ở bên ngoài, mà do hơi thở bị ngắt đoạn vì tâm hỏa bạo hóa làm thận thủy hư suy không giao ché »



nhau được nên té ra thông biết gì hết. » Khi trị nên điều hòa tạng phủ không kinh-lạc, là đủ trị trung-phong.

Ông Y-Doán nói rằng : « đàm dải đưa lên tức là nước không có ở nguồn ; mặt đỏ bứt rút là lửa không về lò. » Nên dùng Quế, Phụ dàn lửa về chung với nước, thì mộc lại sanh thủy mà không sanh phong, thì phong tự nhiên hết.

Q.T **Bồ-Trung Ích-Khí Thang :** Trị trung-phong các chứng thuộc về khí hư, vì khí hư mà phong mới trung được. (Mãp)

炎底	Chích-Kỳ	2 chỉ
白术	Bạch-Truật	1 chỉ
人參	Nhơn-Sâm	1 chỉ
當歸	Đương-Qui	1 chỉ
炙草	Chích-Thảo	5 phân
升麻	Thăng-Ma	3 phân
生羌	Gừng	3 lát
陳皮	Trần-Bì	5 phân
紫胡	Sài-Hồ	3 phân
大棗	Đại-Táo	2 trái

— Ông Lý-Đông-Viên nói rằng : « Thăng, Sài, tính thuộc dương, làm thanh ở tỳ, vị, đi theo dương đạo, lại dàn Sâm, Kỳ, Thảo, đi ngược lên, giữ vững tấu-lý bên ngoài. Phàm là dùng thuốc bổ tỳ vị, phần nhiều làm thăng dương bổ khí.

Nhị-Trần Thang : Chuyên làm thông đàm ầm.

陳皮	Trần-Bì	1 chỉ 5
茯參	Phục-Linh	3 chỉ



半 夏	Bán-Hạ	3 chỉ
炙 草	Chích-Thảo	1 chỉ
gia thêm 生 羌	Gừng	3 lát

Sắc 3 chén còn 7 phân uống,

— Trần-Bì : (lợi khí) thông hơi ; Cam-Thảo : điều hòa ; Linh, Hạ : trừ thấp. Khi khí điều hòa thì trừ được thấp, trừ được thấp thời đậm dải tự nhiên tan đi tức thông vị.

Gia vị Lục-quân-tử thang.

(Phương này coi ở mục cách-thực)

Tức là bài thuốc vương đạo trị về bệnh trúng phong, gia mạch-dông 3 chỉ làm quân, phụ-tử mệt chỉ làm sứ rồi điều vào năm chỉ trúc-lịch, hai chỉ nước gừng sống để thông đậm trong kinh lạc.

Uống lâu tự khỏi.

Tu - Thợ - Giải - Ngú Thang : (Dụ-Gia-Ngôn) Trị trúng phong tỳ hoản, chứng lưỡi cứng không nói được, bắn thân bất toại. Cái ý thang này với thang Địa-Hoàng Âm-Tử giống nhau. Nhưng Địa-Hoàng Âm-Tử trọng về thận ; phương này trị về tỳ, vị.

防 風	Phòng-Phong	1 chỉ
天 麻	Thiên-Ma	1 chỉ
羚 角	Linh-Giác	1 chỉ
汁 羌	Nước Gừng	2 chỉ 5 mà uống
附 子	Phụ-Tử	1 chỉ
棗 仁	Táo-Nhơn	1 chỉ
肉 桂	Nhục-Quế	8 phân

— Ông Dụ-Gia-Ngôn trị thận khí thường gia Câu.



Kỷ, Thủ-Ô, Sanh-Địa, Cúc-Hoa, Thiên-Đông, Xương-Bồ,
Ngươn-Sâm.

Hậu-Thị Hắc Tán : (Kim-Quả) Trị đại-phong tú-
chi bức rúc nặng nề, trong mình sợ lạnh.

菊 花	Cúc-Hoa	4 lượng
防 風	Phòng-Phong	1 lượng
細 辛	Tế-Tân	3 chỉ
壯 利	Mẫu-Lê	3 chỉ
白 术	Bạch-Truật	1 lượng
吉 更	Kiết-Cánh	8 chỉ
茯 苓	Phục-Linh	3 chỉ
人 參	Nhơn-Sâm	3 chỉ
礬 石	Phàn-Thạch	3 chỉ
川 芎	Xuyên-Khung	3 chỉ
桂 枝	Quế-Chi	3 chỉ
當 歸	Đương-Qui	3 chỉ
干 羌	Càn-khương	3 chỉ
黃 苓	Hoàng-Cầm	5 chỉ

— Mười bốn vị làm tán uống với rượu mỗi ngày
dùng một chỉ rượu. Cử các loại cá, củ tỏi, nên thường ăn
đồ lạnh ; Trong 60 ngày hết nóng tức là hạ rồi.

Phong-Dần Thang : Trị người lớn bị phong dần,
trẻ em bị kinh giản.

大 黄	Đại Hoàng	2 lượng
龍 骨	Lông-Cốt	2 lượng
甘 草	Cam-Thảo	1 lượng
寒 水 石	Hàn-Thủy-Thạch	3 lượng



滑 石	Huợt Thạch	3 lượng
紫 石 英	Tử-Thạch-Anh	3 lượng
干 羌	Càn-khương	2 lượng
桂 枝	Quế-Chi	1 lượng 5
牡 利	Mẫu-Lệ	1 lượng
赤 石 脂	Xích-Thạch-Chỉ	3 lượng
石 膏	Thạch-Cao	3 lượng
白 石 脂	Bạch-Thạch-Chi	3 lượng



CÁI HẠI CỦA THUYẾT ĐẤP THUỐC ĐUỒI PHONG

Kim-Quí nói rằng : « Người ta sống là nhờ hơi gió (phong khí) » Câu nói rất tinh, phong túc là hơi. Người ta ở trong gió mà không thấy gió, cũng như cá ở trong nước mà không thấy nước, mũi thở ra hút vào nếu rời gió một phút phải chết.

Gió yên (phong tĩnh) túc là hòa phong để nuôi người, gió động (phong động) túc là tà-phong để hại người. Nếu người lớn bị bệnh trúng phong, trẻ em bị kinh phong với bệnh trạng, té ngã tay chân co rút, mình nằm cong lại, mắt ngó trọn lên, miệng chảy dài, ấy là hiện tượng của phong động, túc là gió độc vậy.

Gặp chứng ấy ông thầy nên làm cho tà phong hóa thành hòa-phong túc đuổi tà-khí phò chính khí.

Nay có nhiều thầy gặp trẻ em bị những chứng kinh giản rất nguy, liền dùng Tuy-Ma-Tử, Bả-Đậu, Nam-Tinh, Lai-Phục-Tử, Toàn-Yết Đại-Hoàng, Tạo-Giác, Tán-nhuyên hào với Vu-Bì, Băng Phiến, Xa-Hương rồi lấy Bạch-Mật hoặc nước hành gừng hòa lẫn đắp lên thóp thở, giữa rún, gan bàn chân, làm phương-pháp đuổi phong. Đắp thuốc vào mười người không cứu được một. Đã chết rồi không ai dám trách, cho là thuốc đắp ở bên ngoài không hại. Chó họ không



biết rằng ; sau khi đắp thuốc vào cái ngươn-khí bị tan rã mà không bao giờ tụ lại được. Phương chi cái thóp thở là nơi hội họp của ngươn-dương, giữa bụng lá kho chứa tông-khí, giữa rún là cội rễ của tính mệnh, gan bàn chân là gốc của thận mạch. Ta không nên coi thường mà động đến.

Người xưa dùng Phụ-Tử, Hải-Cầu-Thận, loại thuốc bồ đắp ở giữa rún. Nhưng các danh-y còn e sợ căn dặn không nên dùng. Phương chi là thứ thuốc độc hại người.

Phàm những người đã có lòng cứu đời, phải nên bái bỏ những phép ấy, cũng đừng mê hoặc về thuyết mản kinh, cấp kinh, thực-tích, mà đem dùng những vị Khương-Huot, Độc-Hoạt, Phòng-Phong, Tân-Giao, Tiên-Hồ, Xích-Thược Câu-Đắng, Kinh-Giới, Thiên-Ma, Hậu-Thát, Thần Khúc Sơn-Trà, Thương-Truật, Đởm-Tinh Đinh-Lịch-Tử, La-Bạc-Tử, Bối-Mẫu, Ngưu-Hoàng, Thiên-Thúc-Hoàng, Chỉ Sác, Hạnh-Nhân, Thạch-Xương-Bồ Cam-Thảo . Hoặc hợp làm một phương, hay hai ba phương.

Thì cũng tỷ như kẻ chạy năm mươi bước mà cười kẻ chạy một trăm bước vậy.



THUỐC BỔ²
**CỨU-LONG-HOÀN
VÕ-ĐÌNH-DÂN**

35 năm được tín nhiệm
tòan cỏi Việt - Nam

TRỊ 24 THỨ TRĨ

Bảo đảm 3 ngày, rung

Trị 24 thứ Bịnh Trĩ và các chứng bệnh con mắt
BÌNH PHONG TÌNH; BÌNH CÙI VÀ BÌNH TIM

DI — MỘNG — HƯỢT TINH

Lồ tai, lồ mũi, cuống họng theo khoa học. Cô kim, Điều kinh. Bạch đái, mặt có tàn nhan, yết hầu ung thư, bịnh suyễn, ho lao, tê bại và các chứng ngoại khoa.

Đông Y-sư TRƯƠNG-CHẨN-GIANG

44, đường CHÂU-VĂN-TIẾP—CHOLON (phía trước ngã ba Lido)



CHƯƠNG III

虛 瘟

BÌNH HU-LAO

虛 瘟 病 從 何 起 (Hư lao bình, tòng hàn khởi)
Bình hư lao, bởi đâu mà ra.

Khái-thấu, thô-huyết, ngũ-tâm phiền-nhiệt, mắt-hoa,
tai-kêu vo-vo, miệng-lở, mũi-khỏe, thở-gấp, ăn-không-biết
mùi-ngon, thân-thề yếu-gầy, sợ-hải, mộng-di-tinh, khi-nóng
khi-lạnh, lười-biếng-muốn-nằm, mệt-mỏi-xương-nóng-không
ngũ-được. Con-gái-không-đường-kinh-bởi-các-chứng-Ấy
thành-ra-lao-bịnh-vậy.

七 情 傷 上 損 是 (Thất tình thương, thương tổn
thì) Bảy-tình-bị-thương, tức-là-tổn-ở-trên.

Ông Biển-Thước nói rằng : « Dương-tồn là tồn-từ
trên-xuống-dưới, một-là-tồn-phế, hai-là-tồn-tâm, ba-là-tồn
vị, nếu-quá-vị-là-không-trị-được. » Lời-nói-Ấy-gốc-ở-Nội-Kinh : Kinh-ở-nhị-dương-phát-tại-tâm, tỳ. Không-được
thông-thái-cho-nên-con-gái-không-có-kinh. Xét-ra-tâm-tỳ
ở-trên-nếu-không-được-thông-thái, thì-con-gái-không-có
kinh, thế-là-ở-trên-cực-trở-xuống-dưới.

歸 脾 湯 二 陽 旨 (Qui tỳ thang, nhị dương chỉ)
Thang Qui-Tỳ, trị-về-bịnh-nhị-dương.



Nội-Kinh có nói bệnh nhị dương phát ở tâm tỳ, vậy lấy thang Qui-Tỳ làm phép để dưỡng thần. Lấy Lục-Vi Địa-Hoàng làm phép để bồi tinh mà ông Cao-Cô-Phong thường dùng.

下損由房轉通 (Hạ tốn do, Phòng vi nhỉ) Tốn ở dưới, là bởi sự phòng vi.

Ông Biền-Thước nói rằng : « Thương ở âm là tốn từ dưới lên trên, một là tốn ở thận, hai là tốn ở can, ba là tốn ở tỳ, nếu qua khỏi tỳ là không trị được. » Thuyết này gốc ở Nội-Kinh cho rằng : ngũ tạng chủ tàng-tinh, không thể thương, nếu bị thương thì thất thủ thì không có khí, không có khí tức phải nguy. Xét rằng tinh sinh ra ngũ-tạng mà gom giữ ở thận, nếu sắc dục quá độ thì bị thương tinh thành tốn ở dưới mà đến thất thủ không khí, thì ở dưới cực trở lên trên.

傷元陽虧腎水 (Thương nguyên dương, khuy thận thủy) Nguyên dương bị thương, thì thiếu thận thủy.

Thận khí tức nguyên-dương, vây nguyên-dương bị thương thì sanh ra những chứng mệt mỏi, ăn ít, tiện bỉ (đái đường) eo lưng đau dương nụy (yếu) thận thủy tức là nguyên-âm, nếu nguyên-âm thiếu sanh ra những chứng, nóng nẩy, ho, thô huyết, tiện huyết, đi đái són, cuống họng đau miệng lở, răng sưng đau.

元陽傷八味使 (Nguyên dương thương, Bát-vị sứ) Nguyên-dương bị thương, phải uống Bát-Vị.

Thôi-thị-Thận-Khí-Hườn, mà người sau gọi là Bát-Vị-Địa-Hoàng, cái ý của phương này làm âm thận-thủy, bồi dưỡng nguyên-dương do cụ Tiết-Lập-Trai và Triệu-Dưỡng-



Qui là người dùng đầu tiên để ôn bồ mặng huyệt (mặng-môn) các thời-Y dùng phương ấy làm chủ ôn bồ thận mặng. Ông Cảnh-Nhạc dùng Hữu-Qui-Âm, Hữu-Qui-Huờn là do ở đó những người nào chân hỏa suy yếu lâm thì lấy bài Hoàn-Thiếu-Đưa mà thế, nếu chân-dương hư cực nên dùng Bạch-Truật thang là công hiệu nhất.

各醫書伎止此 (Các y thư, kỹ chi thử) Các sách thuốc chỉ có thể thôi.

Những vị khô hàn làm bại chơn vị, mà tân nhiệt lại hao chân âm, thì không nói làm chi, như những phương Lục-Vi, Qui-Tỳ là cái sai của các thầy thuốc thường dùng.

甘藥調回生理 (Cam dược điều, hồi sanh-lý)
Điều thuốc ngọt để hồi sanh.

Ông Biển-Thuốc nói rằng : Châm dược chẳng trị được, thì phải lấy cam dược mà điều trị. Ông Cảnh-Nhạc nhân theo đó. Ông Dụ-Gia-Ngôn nói rằng : « Mạng sống con người là bởi sự tích tinh nên mạnh. » Nhưng tinh sanh ở lúa gạo, ăn ít thời không sanh huyết, huyết ít thời không hóa tinh. Nội-Kinh nói rằng : « Tinh không đủ thời lấy vị mà bồ. » vị tức là vị của lúa gạo. Vậy bồ vị mà bớt hao dục, lẽ tất nhiên tinh tích càng nhiều, mà thọ mạng càng thêm.

建中湯金匱軌 (Kiến-Trung thang, Kim-Quí quỹ) Thang Kiến-Trung, là theo phép của Kim-Quí.

Tiêu-Kiến-Trung thang gia Hoàng-Cầm, Nhơn-Sâm, Dương-Qui, Bạch-Truật, các vị ấy phần nhiều làm mạnh trung-khí làm ăn uống tăng lên mà tân-dịch vượng. Lấy ý ngũ-ngươn huyết sanh tinh mà phục lại chân âm đang thiểu. Nên dùng lúa gạo là vị ngọt làm gốc, còn vị chua cay đắng



mặc thời không nên dùng, nếu ngoài phép đó không còn phép nào hơn nữa, xét thang Chích-Cam-Thảo cũng là thang này hóa làm nhuận tề, bài Thanh-Tảo-Thang của Dụ-Thị cũng là thang này hóa làm lương tề.

薯蕷丸風氣丹 (Thư-Dụ Hoàn, phong khí nhí)
Thư-Dụ Hường, trị về phong khí.

Kim-Quí Thư-Dụ-Hoàn chú rằng : « Trị các bệnh hú lao bất túc và phong khí bá bình. »

瘧蟲丸乾血丹 (Già-Trùng-Hoàn, cản huyết đĩ)
Già-Trùng Hoàn, trị huyết khô.

Kim-Quí Đại-Hoàng Già-Trùng-Hoàn chú rằng : »
Trị các chứng thương về ngũ-lao và thương ở trong, huyết kiệt, hình thể gầy ốm. »

二神方能起死 (Nhị-Thần phương, nǎng khôi tử) Phương Nhị Thần, có thể chết mà sống lại.

Ông Dụ Gia-Ngôn nói rằng : « Phong khí không di được (lưu-thông) thì hại tới chánh khí mà sanh trưởng không vinh (tốt) dùng Phương Thư-Dụ Hường làm yếu phương » ; Huyết khô không di được thời ngăn huyết mới không đủ để tới ướt các nơi thì nên dùng Già-Trùng-Hường làm thương tề.

Các thầy ngày nay nắm mộng thấy hai phương này chưa ?.



BÀI THUỐC LOẠI HƯ-LAO

Tý Qui Tỳ Thang. Phương này là phương thứ nhứt
để bồi dưỡng. Trị ăn ít không ngủ được, thô huyết, hạ huyết,
hoặc vì thất-tinh thương, hoặc bị đại tiện-đường, di-tinh,
đái-trọc và các chứng kinh-nguyệt không đều của phụ-nhơn.

炙底	Chích-Kỳ	2	chỉ
人參	Nhơn-Sâm	2	chỉ
白朮	Bạch-Truật	2	chỉ
茯神	Phục-Thần	2	chỉ
歸身	Qui-Thân	2	chỉ
棗仁	Táo-Nhơn (sao đen)	2	chỉ
龍眼肉	Long-Nhân-Nhục	2	chỉ
木香	Mộc-Hương	5	phân
炙草	Chích-Thảo	2	chỉ
遠志	Viễn-Chí	2	chỉ

Sắc ba chén còn tám phân uống khi còn nóng. Ông Cao-Cô-Phong bỏ Mộc-Hương gia Bạch-Thực 1 chỉ ruồi dùng rất hay. Nếu ho hen gia Mạch-Đông 2 chỉ, Ngũ-Vị 7 phân; uất-khí gia Bối-Mẫu 2 chỉ, Tỳ hưu phát nhiệt gia Đơn-Bì, Chi-Tử.

Lục-Vị Địa-Hoàng Huorn. Chủ tráng-thủy, chẽ dương quang. Trị các chứng thô-huyết, hạ-huyết, ho hen không ngủ được, nhức xương, di-tinh đái ra nước đục thuộc về âm hư.

熟地	Thục-Địa	8	lượng
丹皮	Đơn-Bì	3	lượng
山茱萸肉	Sơn-Thù-Nhục	4	lượng
茯苓	Phục-Linh	3	lượng



山 药 Sơn-Dược
宅 左 Trạch-Tả

4 lượng
3 lượng

Tán nhuyễn ngào với mật ong làm hườn lớn bằng hột
ngô để khô, mỗi lần uống 3 chén với nước muối lạt, mỗi
ngày uống 2 lần gia thêm Ngũ-Vị-Tử gọi là Đô-Khí-Hườn,
gia Mạch-Đông gọi là Bát-Tiên-Trường-Thọ Hườn trị ho
hen. Bài này bỏ lượng bột lại dùng chỉ sắc uống gọi là
Lục-Vị Địa-Hoàng thang.

Bát-Vị Địa-Hoàng Hườn. Làm tăng hỏa ở lò, lại
tiêu âm ẽ. Trị lỵ gối yếu, ăn uống không ngon, thủng, trướng,
sán, hè dương nụy di-tinh, đái-trọc (trọc) thuộc về chứng
hư-nuơn-dương, tức là bài Lục-Vị-Hoàn gia Phụ-Tử,
Nhục-Quế.

Bài này bột vị Phụ-Tử gia Ngũ-Vị-Tử gọi là gia
giảm Bát-Vị-Hoàn, trị khát nước không ngọt. Bài này gia
Ngưu-Tất, Xa-Tiền-Tử gọi là Tế-Sanh-Thận-Khí-Hườn,
trị thủy-thủng suyễn súc. Phương này bỏ lượng làm chỉ
sắc uống gọi Bát-Vị-Thang.

Tiêu - Kiến - Trung Thang. Ôn trung tán hàn.
Phương này trị hư lao hay nhứt, nhưng người đời này
không nói tới rất lâu. Phàm bệnh hư lao có chứng hùng nóng
thì trong bài này có Khương, Phụ giúp tâm dương, cũng
như thái-dương ra thời các lửa khác không sáng được ấy
là phương-pháp thổi nhiệt. Phàm chứng lao, ăn uống càng
ngày càng ít, phương này làm cho ôn tỳ ăn uống được nhiều.
Còn những chứng lao tất có ho, thì phương này bồ thồ
sanh kim là phép trị ho; phàm chứng lao thuộc thận hư
phương này bồ tỳ để góp tinh về thận, tức là ngũ-cốc sanh
ra tinh.



Người đời không đọc sách của đức Trọng-Cảnh lại khinh lòn phép thánh, chỉ biết dùng Sanh-Mạch, Lục-Vi, Bát-Vi, Qui-Tỳ, Bồ-Trung và những vị Khoản-Đông-Hoa, Bối-Mẫu, Ngọc-Trúc, Bá-Hiệp, Địa-Hoàng.

Cho nên người ta uống đến chết thật là căm giận.

生 白 芍	Sanh-Bạch-Thược	3 chỉ
桂 枝	Quế-Chi	1 chỉ 5
炙 草	Chích-Thảo	1 chỉ

Gia thêm 3 lát gừng, Đại-Táo 2 trái.

Sắc 2 chén còn 8 phân, trộn với 3 chỉ 5 di-đường (mạch-nha) mà uống.

Bài trên thêm Huỳnh-Kỳ 2 chỉ gọi là Huỳnh-Kỳ Kiến-Trung thang : trị các chứng hư lao, bất-túc, đầy hơi bớt Táo gia Phục-linh 2 chỉ, nếu khí-nghịch gia Bán-Hạ 1 chỉ 5 phân.

KT Bài này nên dùng các vị Nhơn-Sâm, Dương-Qui, Bach-Truật, nên tùy mà gia giảm.

Kim-Quí Chích-Thảo Thang. Trị hư lao, phế yếu, phế táo, yết-hầu đau, mạch di đại, các chứng ấy.

生 地	Sanh-Địa	4 chỉ
人 參	Nhơn-Sâm	1 chỉ
桂 枝	Quế-Chi	1 chỉ
炙 草	Chích-Thảo	2 chỉ
阿 膠	A-Giao	1 chỉ
棗 仁	Táo-Nhơn	1 chỉ 5
麥 冬	Mạch-Động	2 chỉ
生 羌	Sanh-Khương	1 chỉ



大棗 **Đại-Táo**

2 trái.

Sắc 2 chén nước còn 8 phần uống với nửa chén rượu.

Dụ-Gia-Ngôn **Thanh Táo Cứu Phế Thang**. Trị táo khí uất mà thành lao.

桑葉	Tang-Diép	3 chỉ
甘草	Cam-Thảo	1 chỉ 5
人參	Nhân-Sâm	1 chỉ
麥冬	Mạch-Đông	1 chỉ
石膏	Thạch-Cao	2 chỉ 3
杞子	Tỳ-Bà-Diép	1 chỉ 3
杏仁	Hạnh-Nhơn	1 chỉ 2
黑之麻	Hắc-Chi-Mà (sao)	1 chỉ 5

Sắc 2 chén còn 8 phần uống nóng, đâm nhiều già 3 chỉ Bối-Mẫu.

Kim-Quí Thụy-Dụ Hươn. Trị hư lao, bất túc, phong khí, bá bình.

當歸	Đương-Qui	10 phân
人參	Nhân-Sâm	7 phân
麥冬	Mạch-Đông	1 phân
桂枝	Quế-Chi	10 phân
神曲	Thần-Khúc	10 phân
千地黃	Càn-Bìa-Hoàng	10 phân
柴胡	Sài-Hồ	5 phân
豆黃	Đậu-Huỳnh Quyền	10 phân
甘草	Cam-Thảo	28 phân
茯苓	Phục-Linh	7 phân
芍藥	Thược Dược	6 phân



阿膠	A-Giao	7 phân
芎窮	Khung-Cùng	6 phân
薯蕷	Thứ-Dụ	30 phân
白术	Bạch-Truật	6 phân
杏仁	Hạnh-Nhơn	6 phân
防風	Phòng-Pl oang	6 phân
吉更	Kiết-Cánh	5 phân
干姜	Càn-Khương	3 phân
白斂	Bạch-Liêm	2 phân
大棗	Đại-Táo	100 trái

Các vị trên tán nhuyễn hòa mật làm hùn như viên đan.

Uống khi bụng đói với rượu 1 hùn cứ 100 hùn là một tè.

Kim-Quí Đại-Hoàng Chạ Trùng Hoàn. Hùn trung bồ hù. Trị ngũ-lao hù cực, người gầy, bụng đầy, ăn uống không được. Thực-thương, lao thương, Ưu-thương, phong-thất thương, cơ thương, kinh-lạc vinh vệ thương, bên trong co huyết khô, da thịt nhăn, mắt mờ đen.

大黃	Đại-Hoàng	10 phân
黃芩	Huỳnh-Cầm	2 lượng
甘草	Cam-Thảo	3 lượng
杏仁	Hạnh-Nhơn	1 thăng
桃仁	Đào-Nhơn	1 thăng
芍藥	Thương-Dược	4 lượng



干 地 黃	Càn Địa-Hoàng	10	lượng
蟲 蟲	Mang-Trùng	1	thăng
水 蝌	Thủy-Điệt	100	con
蟻 蟑	Tê-Tao	1	thăng
蟻 蟑	Chạ-Trùng	1/2	thăng
干 漆	Càn-Tất	1	lượng

Các vị trên tán nhuyễn lấy mật làm huòn bằng hột đậu uống với rượu mỗi lần năm huòn, mỗi ngày uống 3 lần.

ĐẠI-LÝ TOÀN LÃNH THỒ
VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Hàng GUILLEMINOT là thứ sản-phẩm hảo hạn như là : PHIM, GIẤY SOIE, GIẤY LÁNG và thuốc vô hộp, có giá đặc biệt dành riêng cho nhà nghề, và bán sĩ đi khắp nơi.

LƯU Ý quý bạn dùng hàng GUILLEMINOT sẽ đem lại cho quý bạn mối lợi là : rẻ và tốt hơn những loại hàng khác hiện thời.

Vậy quý bạn nên hỏi tại hàng nhập-cảng

STUDIO - HOLLYWOOD

69B, đường Tự-Do — SAIGON.



CHƯƠNG IV

咳 嗽

CHỨNG HO (Khái-Thău)

氣 上 喘 咳 嗽 生 (Khí thượng thương, khái thău sinh) Khí đưa lên, thành ra ho.

Nội-Kinh nói rằng : » Ngũ-Tạng, lục-phủ đều khiển cho người ta ho, chứ không riêng ở phổi, nhưng phổi là chợ của khí, các khí do ở tạng phủ đều đưa lên phổi, mà sanh ra ho. » Nói tóm lại : ho không chỉ ở phổi mà cũng không lia khỏi phổi được.

肺 最 重 胃 非 輕 (Phế tối trọng, vị phi khinh)
Phổi rất trọng, mà vị cũng dùng khinh.

Nội-Kinh tuy không phân ra các chứng ho ở ngũ-tạng nhưng rất trọng ở sáu chữ : tụ ở vị, quan ở phổi (tụ u vị, quan u phổi) bởi vì những khí của thủy-cốc ở trong vị không hóa thành hơi để xông lên phổi, mà lại chuyển qua các tạng mà chưa ở trong vị rồi theo hơi nóng hóa ra đàm, theo hơi lạnh mà hóa ra nước. Trong vị đã bị đàm ẩm trệ lại thì cái hơi đưa lên phổi không được trong sạch mà sanh ra chứng ho.

肺 如 鐘 撞 則 鳴 (Phế như chung, chàng tắc minh) Phổi như cái chuông, gõ thì kêu.

Phổi là tinh hoa của tạng phủ, khi thở ra thì nó hư (teo vôi) khi hít vào thì nó phình ra. Phổi chỉ chứa được cái chánh-



khí chó không chịu được khách khí ở bên ngoài đưa vào. Khách-khí đã can vào phổi làm phổi ngứa (lở) mà sanh ra ho. Phổi chỉ ưa cái khí trong của tạng phủ mà không ưa khí bệnh của tạng phủ ? nếu khí bệnh can vào nó sẽ lở mà làm ho. Phổi thê chất vốn thuộc kim, ví như cái chuông, tức có mặt trong mặt ngoài, cỗ gỗ vào nó mới kêu.

風 寒 入 外 撞 鳴 (Phong-hàn nhập, ngoại chàng minh) Gió lạnh lọt vào, tức là ở ngoài gỗ kêu.

Nội-Kinh nói rằng : « khí hơi lạnh là hơi ho. » Nên thấy ho hen phần nhiều do ở phong-hàn, gió theo da lông mà vào phổi, lạnh theo xương sống mà vào phổi đều chủ về bên ngoài. Về sau chép tuy nói là nhiệt, thấp, táo, lạnh không hành được, nhưng cũng bởi phong-hàn mà làm ra.

勞 損 積 內 撞 鳴 (Lao tốn tích, nội chàng minh) Lao tốn tích, là ở trong gỗ kêu.

Lao thương thành ra ho là chủ ở trong, nếu hai chứng ấy không trị thì sanh ra ho tắt. tiếng thế là như chuông bể đánh không kêu.

誰 治 外 六 安 行 (Thùy trị ngoại, Lục-An hành) Lấy gì trị ở ngoài ? có thang Lục-An.

Thang Lục-An Tiên tuy không có thâm nghĩa cũng khá được. Nhưng chứng ho về ngoài cảm nên rõ là phong-nhiệt hay phong-táo hai chứng ấy. Như mùa đông bị thương (tà phạm) về hơi ấm lại thêm gió lạnh bên ngoài sáp vào sanh ra chứng ho đàm kết, yết-hầu sưng, mình nặng, tự ra mồ-hôi, mạch phù ấy là phong-nhiệt, nên dùng Uy-Nhuy. Thang là phương tân nhuận, chớ dùng thứ tân nhiệt phát tán thành ra chứng phong táo khó trị, bởi vì táo là khí lạnh của mùa thu không hành được, tất phải mượn phong-hàn mới bùng lên thành ho.



Nội-Kinh chỉ nói mùa thu thương về thấp là sao ?
Đáp : là vì mùa hạ bị khí thấp thô nung nấu tới thu lạnh
thâu góp lại mà núp ở trong phế và vị đợt cuối thu táo lạnh
mới hành cùng với thấp không dung nhau, tới mùa đông mới
làm ra ho. Chứng này có cả phế táo, vị thấp hai thể khó
mà giải được. Duy có thang Thiên Kim Mạch Môn và
Ngũ-Vị-Tử là hay hơn hết. Người sau không phân liêm
tán rồi lắn lộn về táo nhuận thật là mờ quá.

誰治內虛勞程 (Thùy trị nội, Hu lao trình)
Lấy gì trị ở trong, có môn hu lao.

Nên lựa những phương đối chứng ở môn hu lao mà
trị, xét kỹ ra cần phải phòng lao, như bị thương tinh thì
phải bồ tinh, nếu lo nghĩ làm thương tỳ thì phải dưỡng
thần.

扶水氣小龍平 (Hiệp thủy khí, tiều long
binh) Có thủy-kí, uống thang Tiều-Long.

Ông Kha-Vận-Bá trị ho không kẽ mùa hè, mùa đông,
bất cứ nặng nhẹ. Duy chỉ thấy hàn khái thì dùng Tiều-
Thanh-Long thang là công hiệu lắm. Phương ấy có mục
đích khu-phong tán lạnh, giải cơ, trực-thủy, lợi phế, ấm
thận, trừ đàm, ngưng suyễn, giữ bên ngoài an bên trong, đủ
cả mầu-nhiệm. Bởi vì trong phổi bị lạnh, nếu không có
vị Ma-Hoàng đại-tướng thì làm sao mà xung (xua) vào sào
huyệt, còn các vị thuốc khác thời không thể hiệu nghiệm
được.

兼鬱火小柴清 (Kiêm uất hỏa, tiều sài
thanh) Bị hỏa uất uống thang tiều sài.

Ho mà khi lạnh, khi nóng thì bỏ Nhơn Sâm, Đại-Táo,
Sanh-Khuong. Gia Ngũ-Vị, Càn-Khuong mà trị.



羌細味一齊烹 (Khương, Tế, Vị, nhứt
tê phanh) Khương, Tế, Vị đều cho uống.

Kim-Qui trị đàm ầm không ngoài Tiêu-Thanh-Long
giả giãm. Trong phương ấy các vị đều có thể bỏ được, duy
có Tế-Tân, Càn-Khương, Ngũ-Vị ba vị này không nên
coi thường mà bỏ đi. Nếu mặt đỏ như người say rượu thì
gá Đại Hoàng cho thanh nhiệt và gia Thạch-Cao, Hạnh-
thôn các loại ấy nhưng cũng không thể bỏ ba vị ấy được.
Học giả nên ghi nhớ như vậy. Ông Từ-Trung-Khả biện
chú Kim-Qui có luận rõ điều ấy.

長沙法細而精 (Trường-Sa pháp, tể nhị
nhâb) Phép của ông Trường-Sa rất tinh tế,

Phép tri khái-thấu đàm ầm nêu độc kỷ trong bộ Kim-
Qui.



BÀI THUỐC LOẠI KHAI THẨU

Lục-An Tiễn. (Cánh-Nhạc) Trị ho thuộc vè ngoại-cảm.

半 夏	Bán-Hạ	2 chỉ
陳 皮	Trần-Bì	1 chỉ 5
茯 苓	Phục-Linh	2 chỉ
甘 草	Cam-Thảo	1 chỉ
杏 仁	Hạnh-Nhơn	2 chỉ
白 芥 子	Bạch-Giới-Tử	1 chỉ
生 羌	Gừng sống	4 lát.

Sắc 3 chén còn 8 phân uống, nếu lạnh nhiều gia Tế-Tâm 7 phân.

Q1 { Tiều Thanh-Long Thang. Trị các chứng ho. Phương này thấy trong bộ Thương-Hán, bài này tuy hàn, nhiệt, hư, thực, mà gia giảm. Duy có Tế-Tân, Càng-Khương, Ngũ-Vị không được bỏ đi.

千 羌	Càng-Khương	2 chỉ
麻 黃	Ma-Hoàng	2 chỉ
芍 藥	Thuốc-Dược (sao)	2 chỉ
五 味 子	Ngũ-Vị-Tử	2 chỉ
桂 枝	Quế-Chi	2 chỉ
半 夏	Bán-Hạ	1 chỉ 5
細 辛	Tế-Tân	2 chỉ
炙 草	Chích-Thảo	2 chỉ

Sắc ba chén còn 8 phân uống làm hai lần lúc còn nóng.

Gia Giảm Tiều Sài-Hồ Thang. Trị ho phát nhiệt.

柴 胡	Sài-Hồ	4 chỉ
黃 琴	Hoàng-Cầm	1 chỉ 5



半 夏	Bán-Hạ	2	chỉ
炙 草	Chích-Thảo	1	chỉ 5
干 羌	Càn Khuong	1	chỉ
五 味	Ngũ-Vị	8	phân

Sắc hai chén còn 8 phân uống ấm mỗi ngày uống 2 lần.

Ngũ-Vị-Tử Thang. (Thiên-Kim) Trị táo thương sanh ho, khạc nhổ có máu, ngực sườn đau, da thịt khô khan,

五 味 子	Ngũ-Vị-Tử	5	phân
吉 更	Kiết-Cánh	1	chỉ
甘 草	Cam-Thảo	1	chỉ
紫 莪	Tử-Uyễn	1	chỉ
續 斷	Tục-Đoạn	1	chỉ
竹 茄	Trúc-Nhự	1	chỉ
桑 根 皮	Tang-Căn-Bì	1	chỉ
生 地 黄	Sanh-Địa-Hoàng	1	chỉ
赤 小 豆	Xích-Tiểu-Đậu	30	hạt.

Sắc 3 chén còn 8 phân uống lúc bụng đói.

Mạch-Môn-Đông Thang. (Thiên-Kim) Trị bình lâu ngày sau có hỏa nhiệt phạm vào phổi khát nhổ ra có lẫn máu, trên ngực đầy hơi đưa lên gầy yếu ngút-tâm phiền nhiệt khát nước mà tiện bí,

麥 門	Mạch-Môn (bỏ tâm)	2	chỉ
吉 更	Kiết-Cánh	1	chỉ
桑 根 皮	Tang-Căn-Bì	1	chỉ
半 夏	Bán-Hạ	1	chỉ



生 地 黃	Sanh-Địa-Huỳnh	1 chỉ
紫 菖	Tử-Uyên	1 chỉ
竹 茭	Trúc-Nhự	1 chỉ
麻 黃	Ma-Hoàng	7 phân
炙 草	Chích-Thảo	1 chỉ
五 味 子	Ngũ-Vị-Tử	10 hột
生 羌	gia thêm Gừng-Sống	3 lát

Sắc ba chén còn 8 phân uống lúc bụng đói.



THUỐC CAM HÀNG BẠC HÀ NỘI

Môn thuốc gia truyền rất thần hiệu
nổi tiếng khắp nơi, chuyên trị các
chứng bệnh của trẻ em, có công dụng
tống các thứ sán lải và chất độc ra
ngoài, làm cho trẻ em mập mạp, vui
vẻ, da thịt hồng hào, ăn ngon ngủ
khoẻ, hết mồ hôi trộm, tiêu sạch cam
sài. Hiện nay ở tại:

Tổng cục 447 B đường HAI BÀ
TRƯNG (Tân-định) Saigon.

Đại Lý 5 C đường Phước-Hải
Nha Trang

91c đường Phan-bội-Châu Qui nhơn
35 đại lộ Hùng vương Đà-nẴng



CHƯƠNG V

瘧 痘

NGƯỢC - TẬT (rét)

瘧爲病屬少陽 (Ngược vi bệnh, thuộc Thiếu-Dương) Bệnh ngược (rét), thuộc kinh Thiếu-Dương.

Kinh Thiếu-Dương ở nửa trong nửa ngoài, tà ở giữa kheảng ấy, trở vô cùng âm tranh là lạnh, trở ra cùng với dương tranh là nóng. Nếu tranh thì bệnh lên cơn, nghỉ thì bệnh ngừng, sau khi ngừng tà dần ở trong kinh Thiếu-Dương.

寒與熱若迴翔 (Hàn giữ nhiệt, nhược hồi thường) Lạnh với nóng, cứ quẩn quanh.

Lạnh với nóng cứ đúng kỳ mà tới.

日一發亦無傷 (Nhứt nhứt phát, diệt vô thương) Ngày một lần phát cứ là tà còn ở bên ngoài, hai ngày một lần cứ là tà đã vào trong.

三日作熱猖狂 (Tam nhứt tác, thể xiróng cuồng) Ba bữa một lần cử (cơn rét) bệnh tinh nặng.

Ba ngày một lần cử, các thời Y gọi là rét ở tam-âm thì giây đưa khó khỏi bệnh.

治之法小柴方 (Trị chi pháp, Tiều-Sài phương) Phép trị chỉ có phương Sài-Hồ.

Lấy phương Tiều-Sài-Hồ làm chủ trị, bệnh mới khỏi



tục thường kỳ Nhơn Sâm, cứ theo tục thường ấy mà bỏ Nhơn-Sâm, gia Thanh-Bì 1 chi.

熱偏盛加清涼 (Nhiệt thiên thạnh, gia thanh lương) Riêng nóng nhiều, gia vị mát.

Thang Tiều-Sài-Hồ gia những vị Tri-Mẫu, Hoa-Phấn, Thạch-Cao, Huỳnh-Liên, tùy ý lựa chọn mà dùng.

寒偏重加桂羌 (Hàn thiên trọng, gia Quế Khương) Riêng về lạnh nhiều, gia vị Quế, Khương.

Tiêu-Sài-Hồ thang gia Càn-Khương, Quế.Chi, nếu lạnh nhiều gia Phụ.Tử, Nhục-Quế.

邪氣盛去參良 (Tà khí thịnh, khứ sâm lương) Tà khí thịnh, bỏ Nhơn-Sâm.

Mình nóng dùng Tiều-Sài-Hồ thang bỏ Nhơn-Sâm
gia 2 chi Quế.Chi, sau khi uống nên ăn cháo nóng, đắp mền
cho ra mồ-hôi.

常山入力倍強 (Thường - Sơn nhập, lực bội
cường) Cho vị Thường Sơn vào, sức càng mạnh.

Tiêu-Sài-Hồ thang gia 2 chi Thường Sơn. Người ta
thường cho rằng tà chưa im, không thể dùng vị Thường-
Sơn dứt tà, nhưng không biết vị Thường-Sơn là thứ thuốc
triệt tà mà lại đuổi tà ra ngoài. Ông Trọng-Cánh dùng nó
mạo danh là vị Thực-Tất.

大虛者獨參湯 (Đại hư giả, Độc-Sâm thang)
Bình đại hư, uống thang Độc-Sâm.

Người hư vì chứng ngược lâu ngày không khỏi, nên
dùng Nhơn-Sâm một lượng, Sanh-Khương 5 chi sắc uống
vào lúc canh năm rất hay, nếu người nghèo dùng Bạch-Truật
2 lượng mà thế, nếu người nóng nhiều lấy Dương-Qui mà
thế vào.



單 寒 壯 理 中 匡 (Đơn hàn mầu, Lý - Trung khuông) Binh lạnh nhiều, uống thang Lý-Trung.

Chỉ lạnh mà không có nóng gọi là Đơn-Ngược, nên dùng thang Phụ-Tử Lý-Trung gia Sài-Hồ mà trị.

單 热 燥 白 虎 詳 (Đơn nhiệt đạn, Bạch - Hồ tưởng) Binh nóng nhiều, uống thang Bạch-Hồ.

Chỉ nóng mà không lạnh gọi là đạn-ngược hoặc trước nóng sau lạnh gọi là nhiệt-ngược, nên lấy thang Bạch-Hồ gia Quế-Chi mà trị. Các thời Y lấy thang Lục-Vị gia Sài-Hồ, Thược-Dược mà trị.

法 外 法 辨 微 茫 (Pháp ngoại pháp, biện vi mang) Ngoài phép trị, phải biện cho rõ.

~~Các nhà Y tiên bối đã lập thành phép để trị bình, nhưng còn có cách ngoài phép trị, phải biện cho rõ mà trị.~~

消 陰 罢 制 陽 光 (Tiêu âm ẽ, chẽ dương quang) Tiêu âm mù chẽ dương sáng.

Nóng mà không nóng tức không có lửa, vậy phải làm cho thêm hỏa để tiêu âm mù. Lạnh mà không lạnh là không có nước, vậy nên làm tráng chân thủy đầy đủ để chẽ dương sáng.

太 僕 註 慎 忘 (Thái-Bộc chú, thận vật vong) Lời chú của ông Thái-Bộc, ghi nhớ đừng quên.

Phép tiêu âm, chẽ dương của ông Vương - Thái - Bộc ngàn đời không thay đổi được. Ông Triệu-Dưỡng-Quí theo đó lấy Bát-Vị Địa-Hoàng để ích chân hỏa, Lục-Vị-Hoàn để tráng chân thủy, nếu bị chứng ngược lâu cú theo những phương này phần nhiều thu công.



BÀI THUỐC LOẠI NGƯỢC-TẬT (RÉT)

Tiêu Sài-Hồ Thang. Chuyên trị bệnh rét (ngược-tật).

柴胡	Sài-Hồ	4 chỉ
半夏	Bán-Hạ	2 chỉ
人參	Nhơn-Sâm	1 chỉ
甘草	Cam-Thảo	1 chỉ 5
黃芩	Hoàng-Cầm	1 chỉ
大棗	Đại-Táo	3 trái
生姜	Gừng	3 lát.



1933 - 1958
25 NĂM DANH TIẾNG

Nhà thuốc Võ-Văn-Vân ra đời suốt 25 năm trời được sự tín nhiệm của Đồng Bào trong nước và hải ngoại là nhờ sự linh nghiệm của các thứ Cao Đan Hoàn Tán do Ông Y-Học-Sĩ Võ-Văn-Vân Thudaumot, là một vị lương-y khắp Việt-Nam và hải ngoại đều biết tiếng, khảo cứu nhiều năm chế ra, nhứt là :

BÁ ĐÃ SƠN QUÂN TÂN

thuốc trị bệnh tử cung, bạch đái, đau trắng dạ dưới, đau thắt ngang lưng, có nhiều bạch đái, hiệu nghiệm phi thường.

TAM TINH HAI CẦU BỒ¹
THẬN HOÀN,²
THẬN HOÀN,³
trị Mộng-Tinh, Di-Tinh, và Huột-Tinh,
đau lưng nhức mỏi, ai dùng rồi cũng khen tặng.

HI DI NINH THẬN HOÀN,
trị đau tim, trắn, trọc không ngủ, ăn mất ngon,
công hiệu như thần.

Và còn hơn 50 thứ thuốc khác đều công hiệu, (xin hỏi sách thuốc nơi bồn đường).

Nhà thuốc VÔ-VĂN-VÂN THUDAUMOT
Trụ sở chính : 201-211, Đại lộ Nguyễn-thái-Học
— SAIGON —



CHƯƠNG VI
病 痘
BÌNH LÝ

濕熱傷赤白痢 (Thấp nhiệt thương, xích bạch lợi) Bị thương về thấp nhiệt, sanh ra chứng lý đỏ và trắng.

Ông Vương Nhàn-Am luận chứng lý chuyên chủ về thấp nhiệt sanh ra các chứng mắc đi tiêu mà tiêu không ra, bụng đau muộn tiện mà không tiện, bùng nhùng do bần hoặc trắng, hoặc đỏ, hoặc đỏ trắng lẫn lộn.

熱勝濕赤痢 (Nhiệt thắng thấp, xích ly tỳ) Nhiệt nhiều hơn thấp, đi ly đỏ.

Vì là cái bể chứa nhiều khí, nhiều huyết. Nhiệt là dương-tà, nếu nhiệt thắng thấp, thời thương huyết phận ở trong vị làm ra xích ly.

濕勝熱白痢墜 (Thấp thắng nhiệt, bạch ly trụy) Thấp nhiều hơn nhiệt, đi ly trắng.

Thấp là âm-tà, thấp mà thắng hơn nhiệt thời làm thương phận ở trong vị thành bạch, nếu trắng đỏ lẫn lộn là thương cả khí huyết.

調行箴須切記 (Điều hành châm, tu thiết ký) Phép điều hành, phải nhớ kỹ.

Hành huyết thời hết máu bùng nhùng, điều khí hết do bần.



芍 药 湯 热 盛 餌 (Thuoc-Dược thang, nhiệt thành nhì). Thang Thuoc-Dược điều khí hành huyết. Tuy rằng phương thuốc chữa bệnh-ly mới phát, nhưng xét kỹ ra phương ấy nên dùng để chữa về chứng ly nhiệt.

平 胃 加 寒 濕 試 (Bình vị gia, hàn thấp thí) Thang Bình-Vị, trị bệnh ly hàn thấp.

Như hàn-thấp mà sinh ra bệnh ly, khi mới phát nên dùng Bình-Vị-Tán gia Càn-Khương, Trạch-Tả, Trữ-Linh, Mộc-Hương mà trị, nếu bệnh đã lâu không khỏi nên dùng Hương-Liên-Hoàn.

熱 不 休 死 不 治 (Nhiệt bất hưu, tử bất trị) Nóng không dứt thì chết không trị được.

Trong phương thơ nói rằng : « Chứng ly mà phát nóng liên miên không ngừng thời không trị được.

痢 門 方 皆 所 忌 (Ly môn phương, gai sở kỵ) Phương trị ly, đều có kỵ.

Phàm chứng ly mới khởi mà phát nhiệt, nếu không phải ở ngoài có tà túc là kinh-lạc không hòa, nên ôn tán điều hòa vinh vệ. Ngoại tà đã giải bệnh ly cũng hết, nếu cứ cho là nhiệt mà trị theo những phương sáo bệnh ly. Như vậy phần nhiều đưa tới nguy kịch là khác.

桂 葛 投 故 邪 出 (Quế Cát dầu, Cố tà xuất) Cho uống thang Quế-Cát, đuổi tà ra.

Các thời Y rất sợ phát hán cho là không có ngoại chứng nên không dám phát hán (hạn). Nếu nhức đầu phát nóng sợ lạnh có mồ hôi nên dùng thang Quế-Chi, nếu mồ hôi không có nên dùng thang Cát-Căn để đuổi tà ra ngoài rồi sau mới trị bệnh ly.



外疏通內暢遂 (Ngoại sơ thông, nội sướng
tại) Sơ thông ở ngoài, khoan khoái ở trong.

Hai câu ấy giải rõ cái có phải phát hạn. Ông Trương-
Phi-Trù nói rằng : « Thang Đương-Qui Tú-Nghịch trị bệnh
lý rất hay. » Nếu phát nóng mà ói dùng thang Tiều-Sài-
Hồ, thang Cát-Căn, Hoàng-Liên, Hoàng-Cầm, Cam-Thảo
thang. Nếu miệng khát khó ỉa dùng thang Bạch-Đâu-Ong
kiến hiệu như thần,

嘉言書獨得祕 (Gia - Ngôn thơ, độc đặc bí)
Sách của ông Gia Ngôn, luận rất kỹ.

Trong bộ Y-Môn-Pháp-Tân của ông Dụ-Gia-Ngôn
nghị luận rất sâu xa chu đáo,

寓意存補金匱 (Ngụ ý tồn, Bổ Kim - Quí)
Trong thảo ngụ ý bổ vào bộ Kim-Quí.

Trong thảo của ông Dụ-Gia-Ngôn như thang Ma-
Hoàng, Phụ-Tử, Tế-Tân và thang Nhơn-Sâm Bai-Độc tán
là dề bổ vào bộ Kim-Quí chưa nói tới.



BÀI THUỐC LÝ CHỦNG

Thuốc Dược Thang. Trị bệnh lý đặc biệt, hành huyết thời khỏi, nùng huyết thời hậu trọng hết, uống luôn thang này khi mới phát trong ba ngày đầu.

白芍	Bạch-Thuốc	1 chỉ 5
當歸	Đương-Qui	1 chỉ 5
黃連	Huỳnh-Liên	1 chỉ 5
黃芩	Huỳnh-Cầm	1 chỉ 2
桂	Quế	4 phân
兵良	Bình-Lang	1 chỉ
木香	Mộc-Hương	6 phân
甘草	Cam-Thảo	4 phân
厚朴	Hậu-Phác (chích)	1 chỉ 5
只壳	Chỉ-XáC	1 chỉ
大黃	Đại-Hoàng	1 chỉ (người hư không nên dùng)
青皮	Thanh-Bì	5 phân

Sắc 2 chén nước còn 8 phân đê ấm uống. Nếu tiêu tiện không thông gia thêm Hẹt-Thạch, Trạch-Tả. Nếu hồng lý gia Xuyên-Khung, Đào-Nhơn.

Nhơn-sâm bại độc tán. Ông Dụ-Gia-Ngôn rất trọng phương này, nghĩa là cho ra mồ-hôi một chút thì dương khí lên, mà hâm cũng lên, phép này thời Y không rõ. Cụ Trần-Tu-Viên mỗi lần dùng đến phương này gia Trầm



Bổ Sâm, trị Lý?

— 65 —

Thương-Mè 4 chỉ, hoặc gia Hoàng-Cầm, Hoàng-Liên,
rất là công hiệu.

獨活	Độc-Hoạt	1 chỉ
羌活	Khương-Huot	1 chỉ
吉更	Kiết-Cánh	1 chỉ
前胡	Tiền-Hồ	1 chỉ
柴胡	Sài-Hồ	1 chỉ
川芎	Xuyên-Khung	1 chỉ
只壳	Chỉ-Xác	1 chỉ
茯苓	Phục-Linh	1 chỉ
甘草	Cam-Thảo	5 phân
生姜	Gừng Sống	3 lát

Sắc hai chén còn 7 phân uống.

(Khang thang 'Tí Phì Sâm ?')



CHƯƠNG VII

心腹痛

TÂM PHÚC THÔNG HUNG TÝ
(đau bụng)

心胃疼有九種 (Tâm vị đòng, hưu cửu chủng)
Đau tâm vị, có chín thứ.

Thật chứng tâm thống (đau tâm) không thể trị được
ngày nay người ta nói rằng : « Chứng đau tim là tâm-bào-,
lạc và vị uyển (quản) đau » Cộng tất cả có chín thứ đau,
nên phân ra cho rõ ràng.

辨虛實明輕重 (Biện hư thực, minh khinh trọng) Chia ra hư hay thực, rõ được nặng nhẹ.

Hư là lấy tay đè không đau, ăn thì hết đau, mạch vô lực. Thực lấy tay đè thấy đau, ăn vào càng đau thêm, mạch hưu lực. Hai chứng đều có nặng nhẹ.

痛不通氣血壅 (Thống bất thông, khí huyết ứngh) Đau không thông, khí huyết tắc.

Đau thì không thông, tức là khí huyết ứнgh trệ.

通不痛調和奉 (Thông bất thông, điều hòa phụng) Thông thì không đau, phải nên điều hòa.



Thông thì không đau, thế là khí huyết điều hòa, ông Cao-Sĩ Tôn nói rằng : Các phương-pháp làm cho thông đều khác nhau. Như điều khí để hòa huyết, hoặc điều huyết để hòa khí, tức là thông vây. Nếu nghịch khí lên làm cho hạch xuống, kết ở giữa phải làm cho tản ra cũng là thông. Nhưng hạch phải bồi mà làm cho thông, hàn phải cho ấm nóng để cho thông, ấy cũng là phép vẫn chuyên cho thông, nếu chỉ lấy phép hạch cho đi ỉa làm thông thì lâm lấm.

一 痛 热 梅 圆 (Nhứt trùng thống, Ô - Mai Viên) Một là trùng thống, cho hống Ô-Mai-Hườn.

Trùng-thống là khí đau khi hết, trên mõi lưỡi có những đóm trắng, ăn vào càng đau thêm. Trùng là quyết (khuyết) âm phong mộc hóa ra nên dùng Ô-Mai-Hườn.

二 注 痛 蘇 合 研 (Nhị chú thống, Tô - Hiệp nghiên) Hai là chú thống, cho uống Tô-Hiệp-Hườn.

Khi đi vô rừng núi, miếu xưa thấy những vật phi thường. Mạch lúc lớn lúc nhỏ, mạch hai tay như mạch hai người, nên dùng Tô-Hiệp-Hườn cho uống.

三 氣 痛 香 蘇 專 (Tam khí thống, Hương-Tô chuyên) Ba là khí-thống, cho uống thang Hương-Tô

Do những cuộc giận dữ và khí của thất-tình (hỉ, nộ, ai ố, dục : mừng, giận buồn, vui, thương, ghét, ham mê) sanh đau nên dùng bài Hương-Tô-Âm gia Nguồn-Hồ-Xách 2 chỉ hoặc dùng thang Thất-Khí cũng diệu, hay là dùng Bá-Hiệp 1 lượng, Ô-Dược 3 chỉ sắc uống.

四 血 痛 失 笑 先 (Tứ huyết thống, Thất - Tiểu tiên) Bốn là huyết thống, cho uống thang Thất-Tiểu,



Bí ú huyết làm ra đau, đau nhurdao cắt, hoặc có tích thành hòn. Mạch sắc, đại tiện phân đen, nên dùng thang Đào-Nhon Thùa-Khí hay Thất-Tiểu Tán cho uống.

五 悸 痛 炒 香 詮 (Ngũ quý thống, Diệu-Hương thuyên) Năm là quý thống, cho uống thang Diệu-Hương.

Quý thống tức là hư thống, có khi đau khi không, đè không đau, ăn thì tạm bớt, mạch hư nhược nên dùng Diệu-Hương-Tán hoặc Lý-Trung Thang gia Nhục-Quế, Mộc-Hương mà trị.

六 食 痛 平 胃 煎 (Lục - Thực thống, Bình - Vị tiên) Sáu là thực-thống, uống thang Bình-Vị.

Ăn tích mà đau ợ lên mùi chua, chứng đau này nỗi lên một lần ở bụng nên dùng phương Bình-Vị Tán gia Sơn-Tra, Cốc-Nha mà trị. Nếu bị thương về uống rượu gia thêm Cát-Căn 3 chỉ, Sa-Nhon 1 chỉ.

Như mói bệnh phải thở, nếu bệnh lâu phải cho hạ là chánh pháp.

七 飲 痛 二 陳 咽 (Thất ầm thống, Nhị-Trần yên) Bảy là ầm thống, uống thang Nhị-Trần.

Đờm nước đọng lại sanh đau, rồi ói ra nước trong hoặc dưới cách óc ách có nước, nên dùng Nhị-Trần thang gia Trạch-Tả, Bạch Truật làm chủ phương, nếu bệnh nặng dùng thang Thập-Tảo cũng có thể uống được.

八 冷 痛 理 中 全 Bát lanh thông, Lý-Trung toàn) Tám là lanh thông, uống thang Lý-Trung.

Mình mát lạnh mà đau, mạch nhở, miệng không đắng hôi, nên dùng thang Lý-Trung gia Phụ-Tử, Nhục-Quế làm chủ mà trị, nếu có ói mửa dùng thang Ngô-Thù-Du làm chủ trị.



九熱痛金鈴瘡 (Cửu nhiệt thống, Kim-Linh thuyên) Chín là nhiệt-thống, uống thang Kim-Linh.

Nhiệt thống thì mình nóng, mạch mau, trong miệng nóng nên dùng thang Kim-Linh-Tử Nguồn-Hồ-Sách mỗi vị 2 lượng tán nhuyễn uống với rượu chưng 2 chỉ gọi tên là Kim-Linh-Tử Tán uống rất công hiệu, nếu nóng nhiều dùng Huỳnh-Liên, Chi-Tử tán uống với nước gừng.

腹中痛照諸篇 (Phúc trung thống chiếu chư thiên) Trong bụng đau, coi các thiên trên.

Trên rún thuộc thái-âm, giữa rún thuộc thiểu-âm, dưới rún thuộc quyết-âm, hai bên sườn là nơi giao giới của thiểu-dương và quyết-âm, nên phân rõ chứng mà trị nhưng đại ý như ở trên.

金匱法可回天 (Kim-Quí pháp; khả hồi thiên)
Phép trong Kim-Quí, có thể xoay trời được.

Những luận ở trong bộ Kim-Quí Yếu-Lược đều là chứng chết làm sống lại được.

諸方論要拳拳 (Chư phương luận, yếu quyền quyền) Luận của các phương phái chăm chỉ mà dùng thuốc.

Sách Trung-Dung nói rằng : « Tắc quyền quyền phục ưng nhì phát thất chi hỉ. » nghĩa là : Phải chăm chỉ mà làm việc thì không sơ thất.

Đau về bụng đầy mà đi ỉa túc là hư, mửa và tả mà đau là bệnh thuộc về chứng Thái-âm, nên dùng thang Lý-Trung, trong bụng sôi ầm như sấm mà đau dữ, ói mửa ấy là khí hàn nên dùng thang Phụ-Tử Ngạnh-Mề ấy túc là hạ lợi thì biết là hư chứng ; bụng đầy đau mà đại-tiện bế ấy là thực chứng, hoặc vì ti tiện bế mà đau không phát nóng. Nên dùng thang Hậu-Phác Tam-Vật để công ở trong nếu ti tiện bế mà



đau lại thêm phát nóng thì dùng thang Hậu-Phác Thất-Vật
đó là thông cả trong lẫn ngoài. Bể thông mà phát nóng đau
suốt tối dưới sườn, mạch đi khẩn huyền thì cho thang Đại-
Hoàng Phụ-Tử để vừa ôn vừa hạ, nếu thang ấy không dám
cho uống thì lấy thang Đương-Qui Sanh-Khuong Nhục-
Quế-Thang hay hơn, phải nên rõ như vậy.

又 胸 痢 非 偶 然 (Hưu hung tí, phi ngẫu nhiên).
Lại chứng hung tê, không phải là tình cờ.

Tử ngực và vai trở lên là thái-không của người, tôn-khí
chứa ở để chó không phải là sự tình cờ.

蘿 白 酒 炒 轉 旋 (Phỉ-Bạch Tửu, diệu chuyền
toàn) Thang Phỉ-Bạch Tửu vẫn chuyền rất hay.

Thang Quát-Lâu Phỉ-Bạch Tửu hoặc gia Bán-Hạ
hoặc gia Chỉ-Thiệt, hay thang Phỉ-Bạch Quế-Chi đều vẫn
chuyền rất hay.

虛 寒 者 建 中 填 (Hư hàn giả, Kiến-Trung điền)
Bịnh hư-hàn, uống thang Kiến-Trung.

Tâm hung lạnh quá mà đau, nôn ói không ăn uống được,
đó là hàn-khí đưa lên, nên cho uống thang Đại-Kiêng-Trung.
Hè thương, trung hai tiêu bị hàn-tà làm tê, lấy vị Sâm Khuong
để cứu lấy Chân dương hợp với di đường (mạch nha) để gầy
trung-khí lại gia vị tiêu cho đưa xuống để đê cái khí đưa lên,
phục lại chân dương ở hạ-tiêu đó là phương thuốc bồ.



BÀI THUỐC PHÚC THỐNG VÀ HƯƠNG TÝ

Ô-Mai Hùơn trị trùng thống. Tô-Hiệp-Hương Hoàn
trị chú thống.

Hương-Tô Âm. Trị khí thống

香 附	Hương-Phụ	2 chỉ
蘇 合	Tô-Hiệp	3 chỉ
陳 皮	Trần-Bì	1 chỉ
甘 草	Cam-Thảo	1 chỉ
生 羌	Gừng Sống	5 lát

Sắc 2 chén còn 8 phân uống. Nếu có tâm-thống gia 2
chỉ Ngươn-Hồ Sách nửa bát rượu.

Thất-Khí Thang. (Cũng gọi là Tứ-Thất Thang)
(khai uất hóa đàm) Trị Thất-Tinh khí uất nghịch.

半 夏	Bán-Hạ	3 chỉ
厚 朴	Hậu Phác	3 chỉ
茯 苓	Phục-Linh	3 chỉ
紫 蘇 葉	Tứ-Tô-Diếp	1 chỉ
生 羌	Gừng Sống	3 lát

Sắc 2 chén còn 8 phân uống.

Bách-Hiệp Thang. Trị tâm khầu lau.

百 合	Bách-Hiệp	1 lượng
烏 藥	Ô-Dược	3 chỉ

Sắc ba chén còn 8 phân uống.

Thất-Tiểu Tán. Trị các chứng vì huyệt trệ làm đau.

五 靈 脂	Ngũ-Linh-Chỉ (sao dấm)	1 lượng
蒲 黃	Bồ-Hoàng	1 lượng

Công chung tán nhuyễn uống với dấm mỗi ngày hai
lần.



Đào-Nhơn Thừa-Khí Thang. Trị tâm phúc thõng,
đại tiện không thông người như cuồng.

桂 枝	Quế-Chi	2	chỉ
桃 仁	Đào-Nhơn	17	trái
大 黄	Đại-Hoàng	4	chỉ
芒 硝	Mang-Tiêu	7	phao
甘 草	Cam-Thảo	7	phân

Sắc 3 chén còn 8 phân, rót nước ra xong bỏ Mang-Tiêu
vào quậy uống khi thuốc còn ấm.

Đơn-Sâm Âm. Trị các chứng đau bụng và chứng
thuộc về đau máu.

丹 参	Đơn-Sâm	1	lượng
白 檀 香	Bạch-Đàn-Hương	1	chỉ
沙 仁	Sa-Nhơn	1	chỉ

Sắc hai chén còn 8 phân uống.

Diệu-Hương Tán.

山 药	Sơn-Dược	1	lượng
茯 苓	Phục-Linh	1	lượng
茯 神	Phục-Thần	1	lượng
龍 骨	Lông-Cốt	1	lượng
遠 志	Viễn-Chí	1	lượng
甘 草	Cam-Thảo	1	lượng
木 香	Mộc-Hương	3	chỉ
吉 更	Kiết-Cánh	5	chỉ
射 香	Xạ-Hương	1	chỉ
珠 砂	Châu-Xa	2	chỉ

Cộng chung tán nhuyễn uống mỗi lần 3 chỉ với Liên-Tử-Thang.



Bình-Vị Tán. Trị ăn uống bị đình trệ (không tiêu tích động)

蒼 术	Thương-Truật	2 chỉ
厚 朴	Hậu-Phác (sao)	2 chỉ
陳 皮	Trần-Bì	2 chỉ
甘 草	Cam-Thảo	1 chỉ
生 羌	Gừng-Sóng	5 lát.

Sắc 2 chén nước còn 8 phần uống. Nếu ăn thịt bị tích gia thêm Sơn-Tra, ăn mì bị tích gia thêm Mạch-Nha, Lai-Bạc-Tử, ăn cơm bị tích gia Cốc-Nha, uống rượu bị tích gia Cát-Căn, Sa-Nhon.

Nhị Trần Thang. Xem chương Trung-Phong.

Thập Táo Thang. Trị chứng thủy ẩm mà đau, phuơng này rất mạnh không nên dùng thường.

Lý-Trung Thang. Trị lanh thổng.

人 参	Nhơn-Sâm	1 chỉ
白 术	Bạch-Truật	3 chỉ
干 羌	Càn-Cương	1 chỉ
甘 草	Cam-Thảo	1 chỉ 5
生 羌	Gừng Sóng	3 lát.

Sắc 3 chén còn 8 phần uống.

Ngô Thủ Du Thang. Trị lanh thổng, thông trị các chứng ăn cơm muộn ói, nhức đầu như búa chẻ, buồn bực muộn chết và thở không thõi.

吳 茄	Ngô-Thủ-Du	2 chỉ 5
人 參	Nhơn-Sâm	1 chỉ
大 菓	Đại-Táo	5 trái
生 羌	Sanh-Khương	5 chỉ



Sắc hai chén còn 8 phân uống lúc còn ấm.

Kim linh tử tán. Trị hông sùơn đau, bụng đau
hay như thần.

金 铃 子 Kim-Linh-Tử (bỏ hột) 2 lượng

元 胡 索 Ngươn-Hồ-Sách 2 lượng

Tán nhuyễn, mỗi lần uống ba chỉ với rượu.

Hậu-phác tam vật thang. Trị tâm phúc đau, đại-
tiện bể.

厚 朴 Hậu-Phác 4 chỉ

大 黄 Đại-Hoàng 2 chỉ

只 實 Chỉ-Thiệt 1 chỉ 5

Sắc 2 chén còn 8 phân uống nóng.

Hậu-phác thất vật thang. Như thang trên, già
thêm :

桂 枝 Quế Chi 1 chỉ 5

甘 草 Cam-Thảo 1 chỉ 5

生 羌 Sanh-Khuong 2 chỉ 5

大 薑 Đại-Táo 2 trái

Sắc 2 chén còn 8 phân uống, nếu có ói giá Bán-Hạ
1 chỉ, lạnh nhiều bội thêm Sanh-Khuong 1 chỉ rưỡi.

Phụ-tú ngạnh mè thang. Trị trong bụng có khí
lạnh làm sôi bụng mà đau như cắt, bụng sùơn đầy sanh
ói mửa.

附 子 Phụ-Tử (chết) 2 chỉ

半 夏 Bán-Hạ 4 chỉ

炙 草 Chích-Thảo 1 chỉ

硬 米 Ngạnh-Mè 5 chỉ

大 薑 Đại-Táo 2 trái.



Sắc 3 chén còn 8 phân uống lúc cùn ấm, ngày đêm uống 3 lần.

Đại hoàng phụ tử thang. Trị sườn dưới đau, phát nóng mạch đi khàn huyền.

大 黃	Đại-Hoàng	3 chỉ
附 子	Phụ-Tử	3 chỉ
細 辛	Tế-Tân	2 chỉ

Sắc 2 chén còn 8 phân uống.

Đương-Qui-Sanh-Khương Dương-Nhục Thang.

Trị mọi chứng về tâm phúc thống đă hư cực dùng mọi thứ thuốc không hết uống bài này thấy hiệu nghiệm như thần, và trị các chứng đau súc hông, đàm-bà bị sản-hậu đau quặn trong bụng,

當 彌	Đương-Qui	7 chỉ 5
生 羌	Sanh-Khương	1 lượng
羊 肉	Dương-Nhục	4 lượng (bỏ gân)

Sắc 5 chén nước còn 2 chén uống ấm mỗi lần 1 chén uống, mỗi ngày 2 lần.

Quát-Lâu Phi-Bạch Bạch-Tửu Thang. Trị ngực rang suyễn, ho, bụng và lưng đau, mạch thốn trầm trì, quan mạch tiểu khàn.

括 蕤	Quát-Lâu	5 chỉ
蘿 白	Phi-Bạch	5 chỉ



Rượu trắng 3 chén sắc còn 8 phân uống gia Bán-Hạ
gọi là Quất-Lâu Phỉ-Bạch Bán-Hạ Thang. Trị ngực rang
nǎm không được bụng đau đến lưng.

Đại Kiến-Trung Thang. Trị bụng lạnh đau, ói
không ăn uống được.

川 椒	Xuyên-Tiêu	3 chỉ
干 羌	Càng-Khương	4 chỉ
人 参	Nhơn-Sâm	3 chỉ

Sắc hai chén-còn một chén bỏ sát, cho vào 4 chỉ Giao-
Di sắc còn lại 8 phân đỗ ấm uống. Sau một lúc lâu có thể
ăn được nửa tô cháo nóng.



CHƯƠNG VIII

隔 食 反 胃

CÁCH-THỰC PHIÊN-VỊ

隔食病 津液乾 (Cách-thực bịnh, tân-dịch cản)
Bịnh Cách-thực, do tân-dịch khô.

Trong phương thơ gọi cách là chứng bịnh ở trên ngực
ngăn cách, lại nói cách là ăn đồ không xuống mà ú cách. Tân
dịch khô ấy là nguồn gốc của bịnh cách-thực.

胃脘閉 穀食難 (Vi quan bế, cốc thực nan)
Miệng bao-tử đóng lại, thời món ăn khó xuống.

Khi vị quản khô thì rút nhỏ lại, uống nước thì thông
được, mà đồ ăn khó xuống được.

時腎法左歸餐 (Thời Hiền pháp, Tả-Qui xan)
Phép của bậc hiền, cho uống Tả-Qui Âm.

Ông Triệu-Dương-Quỳ dùng đại tề Lục-Vị Thang làm
gốc, ông Cao-Cô-Phong cũng phỏng theo phép của ông
Triệu-Dương-Quỳ tức là bài Lục-Vị gia Sanh-Địa, Dương-
Qui làm chủ. Còn ông Dương-Thừa-Lục dùng bài Tả-Qui
Âm bổ Phục-Linh gia Dương-Qui, Sanh-Địa. Cho là trong
bài Tả-Qui Âm có vị Cam-Thảo dẫn vào Dương-Minh khai
triển vị âm, bót Phục-Linh là đề phòng nước tràn vào
khâm (thận) chi bằng chỉ chuyên lo về Dương-Minh còn
ông hiệu mau chóng hơn.



胃陰展寬 (Vị âm triển, bí môn khoan)
Vị âm mở, bí môn rộng.

Như cao như mở chứa đựng ở dưới đáy vị túc là vị âm vây. Những người bị chứng cách lâu ngày thì vị âm mất ông Cao-Cồ-Phong nói rằng : « Trị chứng cách chỉ trị ở Dương-Minh là đủ. » Dương-Minh túc là vị. Bởi vì vị âm đầy thì của bí môn ở trên mở rộng đồ ăn mới vào được, cửa U-Môn, Lan-Môn có nhuận ướt thì nhị tiện mới thông mà chứng cách mới hết.

啟膈飲理一般 (Khải cách âm, lý nhút ban)
Bài Khải-Cách lý cũng vậy.

Bài Khải-Cách Âm cũng là ý hòa vị, dưỡng âm. Nhưng phương này làm tiết khí uất của phế, phương kia để cứu thận-thủy bị khô ráo, một dàng âm, một dàng dương nên chọn mà dùng.

推至理衝脈干 (Xuy chí lý, xung mạch can)
Xuy cho tới lẻ, là bởi xung mạch can lên.

Ông Trương-Thạch-Ngoan nói rằng : « Ở nơi cách yết mà khí giao thông không xuống được là bởi xung mạch đưa lên, cho nên làm ra khí nghịch. »

大半夏加蜜安 (Đại Bán-Hạ, gia Mật an)
Thang Đại-Bán-Hạ, thêm Mật vào uống.

Xung mạch không trị mà chỉ giữ lấy dương-minh. Cụ Trọng-Cảnh dùng Bán-Hạ để chặn nghịch khí của xung-mạch xuống, dùng Nhân-Sâm để sanh Tân-dịch đã mất, dùng ngọt cho nhuận thủy để đê cái nước đưa ngược lên, những phương của bậc thánh để lại. Duy-có cụ Trọng-Cảnh biết dùng.



金匱秘仔細看 (Kim-Quí bí, tử tể khan) Bí quyết của bộ Kim-Quí, phải xem thật kỹ.

Bí quyết của bộ Kim-Quí nói rõ cách dùng Bán-Hạ rất rõ-ràng, đến đời sau các nhà làm thuốc thấy Bán-Hạ là sơ không dùng. Bỏ cả thuyết của thánh-nhơn. Người nào xướng khởi ra thật là đáng ghét.

若反冒實可嘆 (Nhược Phiên-vị, thực khả than) Nếu mà phiên-vị, thật đáng than.

Ăn vào một hồi lâu lại ói trở ra ấy gọi là phiên-vị.

朝暮吐分別看 (Triệu mộ thồ, phân biệt khan) Sóm hay chiều thồ, phải chia ra mà trị.

Sáng ăn chiều mửa, chiều ăn sáng mửa, ấy chứng là cách thực nên phân biệt cho rõ mà trị.

乏火化屬虛寒 (Pháp hỏa hóa, thuộc hư hàn) Thiếu chất lửa hóa, thuộc hư-hàn.

Ông Vương-Thái-Bộc nói rằng : « Ăn không vô được là có hỏa, ăn vô rồi lại thồ ra là không có hỏa. » Chứng này thuộc trung-tiêu, hạ-tiêu, hỏa suy không còn nghi ngờ gì nữa,

吳茱飲獨附丸 (Ngô-Thù Âm, Độc-Phụ Hoàn) Uống thang Ngô-Thù-Du hay Độc-Phụ Hoàn.

Cái hay của thang này là vì Ngô-Thù trấn đè nghịch khí của kinh quyết-âm, cho vị cam ôn vào, khiến cho Chấn (phong) Khôn (thồ) hợp đức thời thô mộc không hại nhau.

六君顛俱神丹 (Lục-Quân Loại, cầu thần đơn) Thang Lục-Quân đều là thuốc thần.

Như những loại Lục-Quân-Tử thang gia khươn, Phụ và thang Phụ-Tử Lý-Trung.



BÀI THUỐC LOẠI CÁCH THỰC PHIÊN-VI

Tả-Qui Âm. (Cánh-Nhạc) Túc là thang Lục-Vi
bót Đơn-Bì, Trạch-Tả gia Câu-Ký, Chích-Thảo.

Khải Cách Âm. Trị chứng ăn vô thồ ra liền.

川 貝 母	Xuyên-Bối-Mẫu	1 chỉ 5
沙 參	Sa-Sâm	3 chỉ
丹 參	Đơn-Sâm	2 chỉ
鬱 金	Uất-Kim	5 phân
千 荷 蒂	Càn Hà-Đế	5 cái
沙 仁 壳	Sa-Nhơn Sác	4 phân
杵 頭 糜	Đậu-Khang	3 chỉ
茯 苓	Phục-Linh	1 chỉ 5
石 昌 蒲	Thạch-Xương-Bồ	4 phân

Sắc hai chén còn một chén uống.

Đại Bán-Hạ Thang. Trị vị phiền.

人 參	Nhơn-Sâm	2 chỉ
半 夏	Bán-Hạ	4 chỉ

Bán-Hạ ngâm nước gừng hai ngày, mỗi ngày thay một lần rồi ngâm nước 3 ngày, mỗi ngày thay một lần, đem ra chưng chín xắt miếng phơi khô, dùng trường lưu thủy với mật sắc uống.

Sắc hai chén rưỡi còn 7 phân uống.

Ngô-Thù-Du Thang. (Xem chương tâm phúc thống)



Lục-Quân-Tử Thang. Phương này bồ tỳ, kiện vị
trù đậm, ăn nhiều. Trăm bình có thể dùng bài thu công.

QT
E

人 参	Nhơn-Sâm	2 chỉ
白 术	Bạch-Truật (sao)	2 chỉ
茯 苓	Phục-Linh	2 chỉ
半 夏	Bán-Hạ	2 chỉ
陳 皮	Trần-Bì	1 chỉ
炙 草	Chích-Thảo	1 chỉ
生 羌	Gừng Sống	5 lát
大 藁	Đại-Táo	2 trái

Phụ-Tử Lý-Trung Thang. Trị phiền-vị tức là bài Lý-Trung gia thêm Phụ-Tử. Trị phiền-vị nên gia thêm Phục Linh 4 chỉ, Cam-Thảo bót đi nữa.



CHƯƠNG IX

氣 喘

BÌNH KHÍ SUYÊN

喘健證治分門 (Suyễn xúc chứng, trị phân môn) Chứng suyễn xúc, chia từng môn mà trị.

Hơi thở gấp mà đưa lên nên phân biệt mà trị.

鹹芥輩只貞元 (Lô mắng bối, chỉ trinh-nguyên) Bọn lô-mắng, chỉ dùng thang Trinh-Nguyên.

Bài Trinh-Nguyên Âm là trị chứng huyết hư mà khí không nơi phụ thì uống phương này cho đỡ hưởn, trong bài này có Thực-Địa, Dương-Quí, làm nhuân, có Cam-Thảo vị ngọt làm ngọt làm hưởn, đó là thang thường uống để điều-dưỡng, chó không phải phương cấp cứu. Các thầy thuốc ngày nay hě gặp chứng nguyên-khí muốn thoát mà đưa lên. Thường dùng bài này để cho mau nguy. Thực đáng than phiền lầm chứ !!!

陰 霾 盛 龍 雷 奔 (Âm mai thịnh, long lôi bôn.)
Âm thịnh lửa long lôi động.

Bệnh suyễn phần nhiều thuộc về âm, bệnh âm là âm-tà, không có lửa chiếu lên không-trung thời làm sao lui được quần-âm. Nếu dùng những loại như Đại-Hoàng để phụ họa châm âm, thì khí âm xung lên đầy trời ám, mà cái hỏa long lôi nhân đó lại càng bồng lên.

實喘者痰飲援 (Thực suyễn giả, đàm ẩm viễn)
Chứng suyễn thực, do đàm-âm.

Nhập Suyễn Phẫu Anh Bổ 3 QT 85

Tìm Sách



Chứng suyễn thuộc về thực là do phong-hàn không giải được, lại có đàm ẩm giúp vô. Cho nên làm ho hen nhiều mới làm ra suyễn.

夢歷飲十棗湯 (Đinh-Lịch ẩm, Thập-Tảo thang) Uống Đinh-Lịch ẩm, Thập-Tảo thang.

Phế khí mà thực, đường của khí bị bể tắc, sanh ra suyễn, dùng Đinh Lịch Đại-Tảo Tả-Phế Thang làm chủ trị. Ho mà có hơi suyễn là dưới bụng bị đọng ẩm, hoặc hai bên sườn đầy đau, nên dùng bài Thập-Tảo Thang mà trị.

青龍輩微其藩 Thanh-Long bối, triệt kỳ phan) Nhứng thang Thanh-Long, trị dứt được.

Bài này giải biếu kiêm cá lợi thủy, trị cả tà bên trong, bên ngoài, đều đuổi đi được.

虛喘者補而溫 (Hư suyễn già, bổ nhi ôn) Chứng hư suyễn, phải ôn bổ. QT

Chứng hư suyễn làm hơi thở gấp không thể nỗi liền, mạch đi hư té mà vô lực nên lấy hai chữ ôn, bổ làm chủ. Nhưng có khi lấy bổ làm ôn, có khi lấy ôn làm bổ, chờ nên theo một đường mà dùng thang Trinh-Nguyễn hoài làm cho hư trệ đàm dài vây.

桂苓類腎氣論 (Quế-Linh loại, thận khí luân) Như loại thang Quế Linh, Thận-Khí hoàn.

Cụ Trọng-Cánh nói rằng : « Khí ngắn có thủy ẩm nên cho theo đường tiêu-tiện đi ra. » Nên dùng bài Quế-Linh Truật Cam Thang làm chủ hay bài Thận-Khí Hoàn cũng được.

平衡逆泄奔騰 (Bình Sung nghịch, tiết bôn đằng) Bình hơi xông lên, tiết hơi bôn đằng.



Cái khí đưa lên nên dùng Tiêu Bán Hạ gia Phục-Linh
Thang mà đè xuống ; chứng bòn đằng mới bắt đầu, dưới
rún có động khí lâu sẽ đưa lên nhói tới tim, nên dùng
Phục-Linh Quế-Chi Cam-Thảo Đại-Táo Thang làm êm dịu.

真武剣治其源 (Chân-Vû Tê, trị Kỳ nguyên)
Thang Chân-Vû, trị ở gốc.

Trong Nội-Kinh nói rằng : « Chúng suyên ngon ở phổi, còn gốc thời ở thận, » Cho nên bài Chân-Vũ ta gốc trị bình suyên.

金水母主諸坤 (Kim thủy mẫu, chủ chư khôn)
Mẹ kim thủy chủ ở khôn (thồ).

Phổi thuộc kim chủ ở trên, thận thuộc thủy chủ ở dưới. Chứng hư suyễn có nguy của trời với nước không giao với nhau. Trí bình phải cầu ở gốc, phải biết rằng trời với nước cùng một khí mà vị trí ở trong trời với nước là khôn thồ, thồ là mẹ của kim; kìm là mẹ của thủy nhưng chứng ngọt-nghèo phải lấy tỳ vì làm chủ.

六君子妙難言 (Lục-Quân-Tử, diệu nan ngôn)
Thang Lục-Quân-Tử, hay không thể tả được.

Bài Lục-Quân-Tử gia Ngũ-Vị, Càn-Khương, Bắc Tề
Tân là phép tri suyên như thần, nếu mặt sưng già Hạnh-Nhơn, mặt nóng như người say rượu già Đại-Hoàng, Phượng này các thời Y nghe tôi lấy làm sợ, nhưng đọc rõ bộ Kim-Quí mới biết lời nói của tôi là không sai.

他標劑忘本根 (Tha tiêu tè, vong bản cǎn)
Những phương thuốc khác, quên cả cội gốc.

Duy có bài Hắc-Tích Đơn trấn nạp ngươn-khí, bình
suyền phải dùng phương ấy. Ngoài ra các phương khác như
Tô-Tử Giáng-Khí Thang, Định Suyễn Thang và Trầm
Hương, Hắc-Diên các l potrà ấy là món hai người.



BÀI THUỐC LOẠI KHÍ SUYỄN

Tô-Tử giáng-khí thang. Trị chứng trên thịnh dưới hú, khí suyễn.

蘇子	Tô-Tử (sao sơ)	2 chỉ
前胡	Tiền-Hồ	2 chỉ
當歸	Đương-Qui (↪)	1 chỉ
半夏	Bán-Hạ	1 chỉ
陳皮	Trần-Bì	1 chỉ
厚朴	Hậu-Phác	1 chỉ
沉香	Trầm-Hương (↪)	5 phân
炙草	Chích-Thảo	5 phân
生姜	Gừng	3 lát
大棗	Đại-Táo	2 trái

Sắc hai hai chén nước còn 8 phân.

Đinh Lịch Đại Táo Tả Phế Thang. Trị chứng uống nhiều mà phế khí bế, khí bế thời hô-hấp không được như thường. Dùng phương này có chất đẳng để giáng xuống tiết thực-tà.

Đinh-Lịch-Tử.... (sao sơ) nghiền nát như bùn 2 chỉ lấy một chén rưới nước với 12 trái táo, sắc còn 8 phân bỏ Đinh-Lịch vô uống.

Trinh-Nguyên Âm. Âm huyết, tức là nơi dương khí nương tựa, nếu huyết hư thì khí không nương tựa, hoặc có khí hơi suyễn, dàn bà huyết hải thường hư phần nhiều có những chứng ấy, ông Cảnh-Nhạc lập phương với ý là ở bốn chữ Tế, Chi, Hươn, Chi. Tế dùng Thục, Qui, Hươn dùng Cam-Thảo, ý nghĩ như thế.



Ngày nay nưới ta già Tử-Thạch-Anh Hắc-Diên là
thú trọng trấn thời không còn nghĩa hưởn, già Trầm-Hương,
Bạch-Giới-Tử các vị cay đắng thời mắng nghĩa chữ tể.

*Triết
Nguyễn
Thiếu?*

生 地 黃	Sanh-Địa-Huỳnh	1 lượng
當 歸	Đương-Qui	3 chỉ
火 草	Chích-Thảo	2 chỉ

Sắc ba chén còn 8 phân uống.

Linh Quế Truật Thảo Thang. (Kim - Quỷ) Trị
hơi ngắn. Ông Dụ-Gia-Ngôn nói rằng : «phương này trị hơi
hở ra ngắn.»

茯 苓	Phục-Linh	4 chỉ
白 术	Bạch-Truật	2 chỉ
桂 枝	Quế-Chi	2 chỉ
火 草	Chích-Thảo	1 chỉ 5

Sắc hai chén còn 8 phân uống.

Thận-khí hoàn. (Kim-Quỷ) Trị hơi ngắn. Ông Dụ-
Gia-Ngôn nói rằng : « Phương này trị hơi hút vào ngắn. »

生 地 黃	Địa-Huỳnh	8 lượng
山 藥	Sơn-Dược	4 lượng
山 茄 莖	Sơn-Thù-Du	4 lượng
茯 苓	Phục-Linh	3 lượng
丹 皮	Đan-Bì	3 lượng
宅 左	Trạch-Tả	3 lượng

BÁT-VĨ



~~(*)~~ 附子 Phu-Tử
桂枝 Quế-Chi

2 chỉ
1 lượng

Các vị thuốc trên tán nhuyễn hòa mật làm hờn bắng
hột ngô đồng mỗi lần uống từ 15 đến 20 hờn với rượu.

Phục-linh Cam-thảo Đại-táo thang. (Trọng-Cảnh)
Trị khí suyễn, mà ở dưới rún có động khí.

茯苓	Phục-Linh	6 chỉ
桂枝	Quế-Chi	2 chỉ
艾草	Chích-Thảo	2 chỉ
大棗	Đại-Táo	4 trái

Sắc ba chén rưỡi nước, trước nấu Phục-Linh còn hai
chén rồi bỏ các vị thuốc kia vô sắc còn 7 phân uống (Sắc dùng
trường lưu thủy rất tốt).

Chan-Vú Thang. Trần nghịch thủy trị đàm suyễn
như thần.

Càn-Khương	Phu-Tử	9	3 chỉ	6 chỉ?
Ngũ-Vi	Sanh-Khương	Thần	3 chỉ	
Tế-Tân	Bạch-Thược	84	3 chỉ	
	Bạch-Truật	X	2 chỉ	
	附子		1 chỉ	

Sắc hai chén còn 8 phân uống.

Nên dùng Phục-Linh bắng hai, nếu ho nhiều bỏ Sanh-
Khương gia Càn-Khương 1 chỉ 5, Ngũ-Vi 1 chỉ, Tế-
Tân 1 chỉ.



Tri Phong Tý Châm ?

- 88 -

Hắc Tích đơn. Trị tỷ, thận, hư lanh, trên thiết, dưới
hư, năm thứ thủy khí, trúng-phong đàm trào lên nguy cấp.

沈 香	Trần-Hương	5 chỉ
補 骨	賜 金 鈴 子 木 香 肉 豆 扣	
附 子	Phu-Tử	5 chỉ
胡 盧 巴	Hồ-Lưu-Bá ?	5 chỉ
肉 桂	Nhục-Quế	5 chỉ
小 苗 香	Tiêu-Hồi-Hương	1 lượng
硫 黃	Lưu-Huỳnh	3 lượng
黑 鉛	+ Hắc-Diên (sao với Lưu-Huỳnh thành hột sỏi)	3 lượng

Tất cả tán nhuyễn. Rượu chưng quậy hồ làm hờn bằng
hột ngô, để khô mỗi lần uống bốn, năm chục hờn với
nước gừng.

Supplementary

Hắc Duyên là Hắc Tích
(Tắc Yết)



CHƯƠNG X

血 證

HUYẾT - CHÚNG

血之道化中焦 (Huyết chi đạo, hóa trung tiêu)
Đường của huyết, bởi trung-tiêu hóa ra.

Nội-Kinh nói rằng : « Trung-tiêu thụ khí lấy nước biển
hóa ra đó gọi là huyết. »

本衝任中溉澆 (Bản xung - nhâm, trung khái
nhiều) Gốc ở xung nhâm, rồi tưới đi các nơi.

Máu chảy tràn mệt nữa theo mạch xung-nhâm rồi mới
đi qua kinh lạc.

温肌腠外道遙 (Ôn cơ tấu, ngoại tiêu diêu)
Ấm da và chân lông, ngoài được êm diệu.

Máu chảy mệt nữa tản ra mạch ở ngoài mà làm cho
da và chân lông êm diệu.

六淫逼經道搖 (Lục-dâm bức, kinh đạo dao)
Sáu-Khí dâm bức, đường đi của huyết bị lay động.

Lục-dâm là phong, hàn, thủ, thấp, táo, hỏa ; kinh là
thường, đạo là đường, nói rằng ; « Đường của máu thường
đi, nếu bị ngoại tà xâm vào thì bị lay động. »

宜表散麻芍條 (Nghi biếu tán, Ma Thược
diều) Nên tán biếu, uống Ma Thược.

Bị ngoại-thương nên tán biếu. Ông Đông-Viên trị một
người ở trong chúa hú nhiệt, bên ngoài bị cảm hàn mà lại



thổ huyết. Theo cụ Trọng-Cánh dùng Ma-Hoàng Thang gia bồ tề gọi là Ma-Hoàng Nhơn-Sâm Thược-Dược Thang uống vào khỏi ngay.

七情病溢如潮 (Thất tình bệnh, dật như triều)
Bệnh thất tình (bảy tình) nghĩa là hỉ (mừng) nộ (giận) ăi (thương) cự (sợ) ái (yêu) ố (ghét) dục (ham muốn). Thất-tình động bởi ngũ-chí, cho nên sách thuốc thường bảo rằng : « Năm-tạng đều có hỏa » Ngũ-chí mà dung lên thì hỏa động, hỏa động thời huyết theo hỏa mà tràn lên, nhưng ngũ-chí bị thương lâu túc là hư hỏa. Nên lấy phương cam ôn mà trị

引導法草羌調 (Dẫn đạo pháp, thảo Khương điều) Phép dẫn đạo, Thảo Khương trị.

Cam-Thảo Càn-Khương Thang hay như thần, hoặc già Ngũ-Vị-Tử 2 chỉ, nếu hỏa thịnh gia thêm Càn-Tang-Bì 3 chỉ, Tiêu-Mạch một lượng. Các Thời Y nhơn bài Qui. Tỳ có dẫn huyết trở về tỳ, theo huyết này bảo rằng : dẫn huyết trở về tỳ, túc là dẫn huyết trở lại kinh. Thủ hỏi tỳ có bao lớn, chứa bao nhiêu huyết ? chứa được mấy đầu mẩy bồn không ? nếu đem huyết đưa hết vào trong tỳ nó sẽ bể ra còn gì ! Các người như thế mà tự phụ là Lương-Y, thật là đáng giận lắm.

溫攝法理中超 (Ôn nhiếp pháp, Lý-Trung-Siêu) Phép ôn nhiếp, thang Lý-Trung là hơn.

Bài Lý-Trung gia Mộc-Hương, Đương-Quí, sắc uống. Phàm gặp chứng thổ huyết nếu uống thuốc mát và thuốc tư nhuận nhiều quá, bên ngoài có vẻ lành lạnh ấy là dương hư, âm tà (chạy) phải dùng phương này cho huyết được ấm để đi theo kinh-lạc.



涼瀉法令瘀銷 (Lương tǎ pháp, linh ú tiêu)
Phép lương tǎ, khiến ú tiêu.

Thể hỏa thịnh, mạch đi hồng hửu lực thì cái phương hàn lương là gốc mà không thể bỏ được. Nhưng người nay hễ gặp huyết chứng thì dùng những loại Ngẫu-Tiết, Hắc-Chi, Bạch-Cập, Cửu-Mặc để cho chỉ và sát huyết lại để đến nỗi lưu ú không tan ra được mà thành chứng hư lao.

Kim-Quỉ có bài Tả-Tâm dùng vị Đại-Hoàng nhiều hơn, vị Cầm, Liên đó là phép lấy hàn trực-ú. Bài Bá-Diệp trị thô huyết không ngừng, đó là phép lấy ôn đê tiêu ú. Hai phương này một phương ôn, một phương hàn đối nhau.

赤豆散下血標 (Xích đậu tán, hạ huyết tiêu)
Bài Xích đậu tán, trị hạ huyết.

Trước khi ả có máu gọi là cận huyết, Kim-Quỉ dùng Dương-Quỉ Xích -Tiêu Đậu Tán.

若黃土實翹翹 (Nhược Huỳnh-Thồ, thực kiều kiều) Còn Thang Huỳnh-Thồ hay chói lợi.

Sau khi ả mới ra máu ấy gọi là Viễn-huyết, Kim-Quỉ dùng bài Huỳnh-Thồ.

一切血此方饒 (Nhứt thiết huyết, thử phương nhiều) Những huyết chứng, phương này trị được hết.

Huỳnh-Thồ Thang không những trị riêng chứng viễn-huyết như thô huyết, nục-huyết, đại-tiện huyết, tiêu - tiễn huyết, đòn bà huyết băng, và huyết ly lâu ngày không khỏi. Đều trị được cả, phương này, làm ấm trung cung thô tạng (tỷ) lại lấy những phẩm hàn, nhiệt để giúp nhau, thật là hợp pháp.



PHỤ LỤC

Ngũ tạng đều có huyết, Lục phủ không có huyết ta thử coi mồ bụng các loại thú dưới trái tim giáp với xương sống, trong bao-lạc có nhiều huyết, trong can có nhiều huyết, tâm, tỳ phế, thận đều có huyết cả. Chỉ có Lục phủ không huyết,

Gần đây người ta cho thồ huyết nhiều là huyết ở vị. Câu nói này đều là lầm lẫn. Phàm thồ huyết ở ngũ-tạng thời chết. Còn những chứng thồ-huyết, nục-huyết, hạ-huyết, ấy là huyết ở kinh-lạc tan ra vây.



BÀI THUỐC LOẠI HUYẾT CHỨNG

Ma-hoàng nhơn-sâm thưoc-dược thang. (Đông
Viên) Trị thô huyết, ngoại-cảm hàn-tà. Bên trong hư nóng.

桂 枝	Quế-Chi	5 phân
麻 黄	Ma-Hoàng	3 phân
黃 底	Huỳnh-Kỳ	3 phân
炙 草	Chích-Thảo	3 phân
白 苓	Bạch-Thuoc	3 phân
人 参	Nhơn-Sâm	3 phân
麥 冬	Mạch-Đông	3 phân
五 味 子	Ngũ-Vị-Tử	5 hột
當 歸	Đương-Qui	5 phân

Sắc ba chén còn 8 phân uống nóng.

Cam-thảo càng-khương thang. (Kim-Quí)

炙 草	Chích-Thảo	4 chỉ
干 羌	Càn-Khương	2 chỉ

Sắc hai chén 8 phân uống

Bá-diệp thang. (Kim-Quí) Trị thô huyết không
ngừng. (ngót)

把 葶	Bá-Diép	2 chỉ
干 羌	Càn-Khương	1 chỉ
艾 葉	Ngải-Diép	1 chỉ
童 便	Đồng-Tiện	2 chén

Sắc với hai chén nước còn 8 phân uống



Huỳnh-thồ thang. (Kim-Quỉ) Trị sau khi tiêu rồi
ra máu gọi là viễn huyết, cùng trị cả chứng nực-huyết, thồ-
huyết nữa.

黃 土	Huỳnh-Thồ	4 chỉ
生 地	Sanh-Địa	1 chỉ 5
黃 苓	Huỳnh-Cầm	1 chỉ 5
甘 草	Cầm-Thảo	1 chỉ 5
阿 腿	A-Giao	1 chỉ
白 朮	Bạch-Truật	1 chỉ 5
附 子	Phụ-Tử	1 chỉ

Sắc 3 chén còn tám phân uống nóng.



CHƯƠNG XI

水 肿
THỦY-THỦNG

水腫病有陰陽 (Thủy thủng bệnh, hỮU ÂM
dƯƠNG) Bệnh thủy thủng, có âm dương.

Bệnh thủng thì da phình lớn lên, khi mới khởi ở dưới
mắt có hình như con tằm nằm ngang, rồi sau lần lần phình
đều cả mình. Nếu mình lấy tay đè vô rồi phình ra liền ấy
là chứng thủy thủng. Còn đè vô rồi một hồi lâu mới phình ra
ấy là chứng khí thủng. Ông Cảnh-Nhạc cho rằng phình liền
là khí, nếu không phình là thủy. Nhưng xét rằng : khí đi thủy
cũng đi, nếu thủy trệ thời khí cũng trệ, cho nên có thể phân
mà cũng không có thể phân ra được. Chỉ lấy dương-thủy,
âm-thủy phân biệt được thôi.

便清利陰水殃 (Tiện thanh lợi, âm thủy ương)
Tiêu-tiêu nhiều và trong, hại do bởi âm thủy.

Tiêu tiện tự lợi, miệng khát ấy thuộc hàn gọi là
âm-thủy.

便短縮陽水傷 (Tiện đoạn xúc, dương thủy
thương) Tiêu-tiện đi rất, thương bởi dương thủy.

Tiêu tiện đi rất, miệng khát ấy thuộc nhiệt gọi là dương
thủy.



五皮飲元化方 (Ngũ-Bì Âm, phương của ông Ngươn-Hóa.

Lấy da trị da mà không thương tới trung-khí, phương đó là của ông Ngươn-Hóa.

陽水盛加通防 (Dương thủy thịnh, gia Thông Phòng) Dương thủy thịnh, gia thêm Thông, Phòng.

Bài Ngũ-Bì-Âm gia thêm những loại Mộc-Thông, Phòng-Kỷ, Xích-Tiêu-Đậu.

陰水盛加桂羌 (Âm thủy thịnh, gia Quế-Khương) Âm thủy thịnh, gia thêm Quế Khương.

Ngũ-Bì Âm gia thêm những loại Càn-Khương, Nhục Quế. Phụ-Tử.

知實腫蘿枳商 (Trị thực thủng; La chỉ thương) Biết bệnh thủng thuộc thực, uống loại La-Chỉ.

Biết thật là bệnh thủng thuộc thực, lúc tuổi trẻ bệnh thủng bỗng phát mà mạch thực thì cho gia những loại La-Bắc-Tử, Chỉ-Thiệt.

知虛腫參木良 (Trị Hu thủng, Sâm truật hương) Biết chắc bệnh thủng thuộc hư, uống Sâm, Truật.

Người già yếu bệnh lâu lắn lắn sanh thủng, mạch hư, gia những loại Nhơn-Sâm, Bạch-Truật.

兼喘促真武湯 (Kiêm suyễn xúc, Chân-Vũ thang) Thêm chứng suyễn thở rút, uống thang Chân-Vũ.

Thủng nặng tiều tiệu không thông, khí suyễn, xích mạch hư nên dùng bài Chân-Vũ để hành thủy. Dùng Quế Linh Thảo Truật Thang hóa Khí của thái dương bắt đầu uống trên mươi thang, kể tiếp dùng hai thang Đạo-Thủy Phục-Linh thì khỏi liền.



Các thầy bây giờ chỉ trọng về gia vị Thận-Khí-Hườn mà không biết rằng: bồ trợ âm-khí, lại càng thêm thủy-tà đừng có khinh thường mà uống.

從俗好別低昂 (Tòng tục hiếu, biệt đê ngang) theo thói thường, chia cao thấp.

Các phép ở trên là theo thói thường, nhưng theo thói thường mà không theo qui cù của tiên-dân thì cũng có thể giết người được.

五水辨金匱詳 (Ngũ thủy biện, Kim-Quí tường) Chia năm thủy, bộ Kim-Quí chú rõ.

Bịnh do ngoại cảm mà thành gọi là phong-thủy, bịnh theo ngoại cảm mà thành là tà đă thấm vào trong da nhưng không ở tại biếu mà ở tại lý gọi là bì thủy; có khi bịnh không do ở phong mà do tam - âm kết thành nước gọi là chánh-thủy, có khi bịnh âm-tà nhiều mà chìm ở dưới gọi là thạch-thủy, có khi bịnh bởi phong, bởi thủy thường thành ra tâm uất nhiệt gọi là huỳnh-hán. Bộ Kim-Quí nói rất rõ, đọc kỹ bộ Kim-Quí thì biết được tôn chỉ, đừng có lồ mang mà làm lõi việc, trong các phương nghĩa lý rất tinh nên chú trọng mà coi thì rõ.

補天手十二方 (Bổ thiên thủ, thập nhị phương) Vá được trời, có mươi hai phương.

Việt-Ty Thang, Phòng-Kỷ, Phục-Linh Thang, Việt-Ty gia Bạch-Truật Thang, Cam-Thảo Ma-Hoàng Thang,



Ⓐ Ma-Hoàng Phu-Tử Thang, Hạnh Nhơn Thang, Bồ-Hôi
Tán, Kỳ-Thuốc Quế Tửu Thang, Quế-Chi gia Huỳnh-
Kỳ, Thang, Quế Cam Khương Táo Ma Tân Phụ-Tử
Thang, Chỉ Truật Thang, Phụ Phương Ngoại-Đài Phòng-
Kỳ Huỳnh-Kỳ Thang.

肩斯道勿炎涼 (Kiên tư đạo, vật viêm lương
Gánh đạo ấy, đừng ấm lạnh. . .

Tôi mong rằng : Mình đã gánh đạo ấy thì cứ noi theo
đạo thánh mà làm, chó đừng có theo thói đời mà khi
chìm khi nổi.



BÀI THUỐC LOẠI THỦY - THỦNG

Ngũ-Bì Âm. Thông dụng trị bệnh thủung.

大腹皮	Đại-Phúc-Bì	4 chỉ
陳皮	Trần-Bì	3 chỉ
雲苓皮	Vân-Linh-Bì	4 chỉ
桑白皮	Tang-Bạch-Bì	2 chỉ
生羌皮	Vỏ Gừng-Sống	4 chỉ

Sắc ba chén còn tám phân uống ấm. Nếu thủung ở trên
nên phát hàn gia thêm Tô-Điệp, Kinh-Giới, mỗi vị 2 chỉ,
Phòng-Phong, Hạnh-Nhơn mỗi vị 1 chỉ ; nếu thủung ở
dưới nên thông lợi tiểu-tiện gia Phòng-Kỷ 2 chỉ, Mộc-
Thông, xích-tiểu-Đậu mỗi vị một chỉ 5 phân , suyên mà bụng
trướng gia Sanh Lai-Bặc-Tử, Hạnh-Nhân mỗi vị 2
chỉ , nếu tiểu tiện không thông lợi ấy là dương-thủy,
gia xích, tiểu-dâu, phòng-kỷ ; còn tiểu tiện tự
lợi ấy là âm thủy, gia Bạch - Truật 2 chỉ, Thương-
Truật, Xuyên-Tiên mỗi vị một chỉ ruồi nếu nóng
gia Hải-Cáp 3 chỉ, Tri-Mẫu 1 chỉ 5 ; nếu lạnh gia Phụ-Tử,
Càn-Khương mỗi vị 2 chỉ, Nhục-Quế 1 chỉ ; có ối mửa
gia Bán-Hạ, Sanh-Khương mỗi vị 2 chỉ ; có đau bụng gia
Bạch-Thược 2 chỉ, Quế-Chi 1 chỉ, Chích-Thảo 1 chỉ.

Đạo Thủy Phục-Linh Thang. Trị thủy thủung đầu
mặt tay chân mình mày đều sưng.

宅左	Trạch-Tà	3 lượng
赤茯苓	Xích-Phục-Linh	3 lượng
參門冬	Mạch-Môn-Đông	3 lượng
白朮	Bạch-Truật	3 lượng
桑白皮	Tang-Bạch-Bì	1 lượng



蘇 薑	Tú-Tô	1 lượng
兵 良	Binh-Lang	1 lượng
木 瓜	Mộc-Qua	1 lượng
大 腹 皮	Đại-Phúc-Bì	7 chỉ
陳 皮	Trần-Bì	7 chỉ
沙 仁	Sa-Nhơn	7 chỉ
木 香	Mộc-Hương	7 chỉ

Trộn lộn mỗi lần uống 1 hay 2 lượng, nước 2 chén, Đắng-Thảo 30 cọng sắc còn 8 phần uống sau khi ăn mệt hối lâu.

~~Gia Giảm Thận Khí Hườn. Trị thận đều hư,~~
thunder càng ngày càng to lên. Suyễn hen không ngũ được.

<i>Suyễn</i> thunder	熟 地	Thục-Địa	AT?	4 lượng
	狀 苓	Phục-Linh	AT?	3 lượng
	肉 桂	Nhục-Quế	AT?	1 lượng
	牛 必	Ngưu-Tất	AT?	1 lượng
	丹 皮	Đơn-Bì	AT?	1 lượng
	山 藥	Sơn-Dược	AT?	1 lượng
	宅 左	Trạch-Tá	AT?	1 lượng
	車 前 子	Xa-Tiền-Tử	AT?	1 lượng
	山 茄 肉	Sơn-Thù-Nhục	AT?	1 lượng
	附 子	Phụ-Tử	AT?	5 chỉ

Tán nhuyễn, luyện mật làm hườn bằng hột ngô đồng. Mỗi lần uống ba chỉ với Đắng-Thảo Thang. Mỗi ngày uống hai lần. Còn như bớt lượng làm chỉ sắc uống gọi là gia giảm Kim-Quí Thận-Khí Thang.



Kim-Quí Huỳnh-Kỳ Thang. (Kim-Quí) Trị phong
thủy mạch phù, mình nặng xuất mồ-hôi sợ gió.

防 己	Phòng Kỷ	3 chỉ
災 草	Chích-Thảo	1 chỉ 5
白 术	Bạch-Truật	2 chỉ
黃 瓜	Huỳnh-Kỳ	3 chỉ
生 芫	Gừng-Sống	4 lát
大 薑	Đại-Táo	1 trái

Sắc hai chén nước còn 8 phân uống.

Việt-Tỳ Thang. (Kim-Quí) Trị sợ gió khắp mình
sưng, mạch phù, không khát nước, tự nhiên ra mồ-hôi, nóng
nhiều.

麻 黃	Ma-Hoàng	6 chỉ
石 膏	Thạch-Cao	8 chỉ
甘 草	Cam-Thảo	2 chỉ
生 芫	Sanh-Khuong	3 chỉ
大 薑	Đại-Táo	5 trái

Nước nấu trước với Ma-Hoàng, bốn chén nước còn
ba chén bỏ bả rồi sẽ bỏ các vị kia vào sắc còn 8 phân. Uống
ngày và đêm chia làm 3 lần.

Hạnh Tử Thang

Cam-Thảo Ma-Hoàng gia Hạnh-Nhon

Phong-Kỷ Phục-Linh Thang. (Kim-Quí) Trị tú-
chi sưng đầy, nước ở da lăn-tăn động.

防 己 Phòng-Kỷ 3 chỉ



桂枝	Quế-Chi	3 chỉ
黃底	Huỳnh-Kỳ	3 chỉ
茯苓	Phục-Linh	6 chỉ
炙草	Chích-Thảo	1 chỉ

Sắc 3 chén còn 3 phân uống ngày và đêm, uống ba lần.

Bồ Hồi Tán (Kim-Quỉ)

蒲炭	Bồ hôi	Nửa cân
滑石	Huột-Thạch	1 cân

Tán nhuyễn mỗi ngày uống ba lần.

Cam-Thảo Ma Hoàng Thang

麻黃	Ma-Hoàng	1 chỉ
甘草	Cam-Thảo	2 chỉ

Nước hai chén nấu Ma-Hoàng trước còn 1 chén bỏ bột, kế bỏ Cam-Thảo vào vào sắc còn 7 phân uống trùm mền lại cho ra mồ-hôi, nếu không ra nên uống thêm một lần nữa.

Hai vị trên để thông phế khí giúp thở khí bên ngoài hành thủy khí.

Ma-Hoàng Phụ-Tử Thang.

麻黃	Ma-Hoàng	3 chỉ
炙草	Chích-Thảo	2 chỉ
附子	Phụ-Tử	1 chỉ

Nước hai chén nấu trước Ma-Hoàng còn 1 chén rưới bỏ bột rồi cho các vị kia vào sắc còn 7 phân để ấm chia làm ba lần. Bài này làm phép ôn kinh, tán hàn,



chuyển ra làm ôn kinh để lợi thủy rất hay.

Huỳnh-Kỳ Quế Thược-Dược Khô Tứu Thang.
(Kim-Quí) Trị mình mẩy sưng thủng phát nóng ra mồ-hôi
mà khát nước.

黃底	Huỳnh-kỳ	5 chỉ
芍藥	Thược-Dược	3 chỉ
桂枝	Quế-Chi	3 chỉ

Khô tửu 1 chén rượu, nước 1 chén sắc còn còng 8 phân
để ấm uống.

Quế-Chi Gia Huỳnh-Kỳ Thang. (Kim-Quí) Trị
bịnh mồ-hôi vàng, trái lại phát nhiệt không ngót, trong
ngực đau từ lưng trở lên ra mồ-hôi từ lưng trở xuống
không có mồ-hôi.

桂枝	Quế-Chi	3 chỉ
芍藥	Thược-Dược	3 chỉ
生姜	Sanh-Khuong	3 chỉ
吳草	Chích-Thảo	1 chỉ
黃底	Huỳnh-Kỳ	2 chỉ
大棗	Đại-Táo	4 trái

Sắc 3 chén còn 8 phân để ấm uống.

Phương trước là phép trị chánh bịnh hoàng-hán,
phương này là phép trị huỳnh-hán biến chứng.

Saigon, ngày 15 tháng 5 năm 1958 D.L (Mậu Tuất)

Đệ tử THANH-Y
PHẠM-HỮU-TRẠI Phụng-biện



LĀO - Y

TRẦN - DUY - BÌNH

Chuyên trị :

ĐÀN ÔNG :

Di - tinh, Mộng - tinh v. v.

ĐÀN BÀ :

Sản - hậu, Tiêu - sản và

Huyết - chứng v. v.

CON NÍT :

Ban - trái, Sên - lải v. v.

226, Đại - lộ Đinh - Tiên - Hoàng

Đakao SAIGON



— THUỐC —

MỒ HÔI TRỘM

HIỆU KIM ĐIỀN

trị bệnh con nít đồ mồ
hôi trộm khi đang ngủ.

Rất hay, giá 25đ.

(Bán khắp nơi). Nhà thuốc:

361, Phan đình Phùng

Saigon.



Timsach



ĐỒNG - Y - SĨ
HÀ - DOĀN - TRUNG
VÀ CON
THIẾU - TRUNG
TIỀU - TRUNG

Xem mạch người lớn và trẻ em
Chuyên môn châm cứu

Số 94 Nguyễn-Trí-Phương
Cholon

中 先 何
中 少 }
中 小 }

脈 方 小 大

炎 针 手 老

號四十九道大芳智阮岸堤



CÙNG ĐỌC GIẢ[?]

SẮP XUẤT BẢN

Y-HỌC TAM-TỰ-KINH Quyển II

Gồm đầy đủ các chương

— Trưởng-Mảng, Thủ-Chứng, Tiết-Tả, Huyền-vụng
Âu-thổ, Đien, Cuồng Giảng, Ngũ-Lâm, Long-bể, Khát-
bệnh, Di-Tinh, Sán-Khí, Đàm-Âm, Tiêu-Khát, Thương-
Hàn Ôn-Dịch Phụ-Nhơn Kinh Sản Tạp Bình. Tiêu-Nhi

Có đầy các phương dược trị liệu

và

Nhiều bộ sách quý như :

— THỜI PHƯƠNG DIỆU DỤNG

Quyển I

Quyển II

Quyển III

Quyển IV

— BỒ CHÚ NẠN-KINH

Quyển I

Quyển II

Quyển III

Quyển IV

— BỒ CHÚ MẠCH-HỌC VƯƠNG-THÚC-HÒA

từ quyển I đến quyển bốn đầy đủ nguyên-văn và chú-giải



MỤC - LỤC

Trang

Chương I

Y-HỌC NGUYỄN-LƯU 12

Chương II

TRÚNG - PHONG và BÀI THUỐC
loại TRÚNG-PHONG 22

Chương III

HU-LAO và BÀI THUỐC loại
HU-LAO 38

Chương IV

KHÁI - THẨU và BÀI THUỐC
loại KHÁI - THẨU 48

Chương V

NGƯỢC-TẬT (RÉT) và BÀI THUỐC
loại RÉT 56

Chương VI

LÝ CHÚNG và BÀI THUỐC loại
LÝ CHÚNG 61



Chương VII

- TÂM PHÚC THỐNG HUNG TÝ và
BÀI THUỐC 66

Chương VIII

- CÁCH THỰC PHIÊN VỊ và BÀI THUỐC. 77

Chương IX

- KHÍ-SUYỄN và BÀI THUỐC loại KHÍ-
SUYỄN 82

Chương X

- HUYẾT-CHÚNG và BÀI THUỐC loại
HUYẾT-CHÚNG 89

Chương XI

- THỦY-THỦNG và BÀI THUỐC loại
THỦY-THỦNG 95



THƯ LÂM ĂN THƯ QUÁN
231-233 Phạm Ngũ Lão - Saigon



Tin Sach



Tìm Sách



ĐÍNH CHÍNH

Trang 41 hàng 15 chữ Phương Nhị Thần có thể chết mà sống lại, xin sửa lại là Hai Phương Thần có thể chết mà cứu sống lại.

Mỗi quyển đều có chữ ký và con dấu của
Dịch giả.

Thư từ và bưu phiếu mua sách xin đền cho :

Cụ TRẦN DUY BÌNH

226, Đinh Tiên Hoàng
ĐAKAO — SAIGON

Giấy phép số 1266/XB
ngày 13 8 1958 của HĐKD

Tìm Sách

GIÁ 55đồng

